

viettel
post

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2021**

THÔNG ĐIỆP CỦA CEO



“Với mục tiêu đến năm 2025, ViettelPost trở thành Công ty Logistics số 1 tại Việt Nam dựa trên nền tảng công nghệ cao, chúng tôi sẽ tiếp tục phát triển chuỗi giá trị mới “make in Viet Nam” mang tính ứng dụng cao, phù hợp với mọi tầng lớp người dân và hội nhập với xu hướng phát triển của thế giới”

Kính thưa Quý nhà đầu tư/Quý Khách hàng/Quý đối tác,

Trong 2 năm qua, đại dịch Covid-19 và những hệ lụy đi kèm đã tác động nghiêm trọng đến kinh tế toàn cầu, hàng triệu việc làm bị biến mất vĩnh viễn, khủng hoảng kép về kinh tế - y tế gây thiệt hại nặng nề cho toàn xã hội, đẩy kinh tế thế giới rơi vào suy thoái sâu. Tuy nhiên, sự suy giảm kinh tế trong thời kỳ đại dịch không ảnh hưởng quá tiêu cực đến ngành logistics toàn cầu.

Tại Việt Nam, mặc dù có một khoảng thời gian đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 và các biện pháp giãn cách xã hội gây ra đứt gãy chuỗi logistics ở nhiều tỉnh thành đồng bằng sông Hồng và miền Đông Nam Bộ; song nhìn chung năm 2021 vẫn là một điểm sáng đối với nền logistics nước ta. Giữa nhiều đợt cách ly xã hội, khách hàng đã bắt đầu thay đổi hành vi mua sắm từ trực tiếp sang trực tuyến. Kéo theo hoạt động logistics phục vụ thương mại điện tử ngày càng được quan tâm đầu tư phát triển. Bên cạnh đó, tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam và khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu vận tải quốc tế của đội tàu biển Việt Nam đều đạt mức tăng trưởng ấn tượng hơn 50%.

Đứng trước lựa chọn “ngủ đông” bảo toàn lực lượng và “chiến đấu” để thúc đẩy sản xuất kinh doanh, bảo vệ chuỗi cung ứng trọng yếu quốc gia, Viettel Post đã không ngần ngại lựa chọn chiến đấu đúng với sứ mệnh của một doanh nghiệp quân đội. Việc bảo vệ chuỗi cung ứng hàng hóa thiết yếu cho đất nước đi song hành với trách nhiệm giữ việc làm ổn định cho hàng chục nghìn lao động, là cách để Viettel Post hoàn thành mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội”, để lại dấu ấn đẹp trong năm đầu tiên của chiến lược phát triển 2021-2025.

Kết quả, tổng doanh thu và thu nhập khác hợp nhất đạt 21,55 nghìn tỷ đồng, tăng 24,29% so với năm 2020. Lợi nhuận trước thuế đạt 370,60 tỷ đồng. Giữa một năm kinh tế vận hành đầy khó khăn, Viettel Post đã đồng hành với khách hàng, đối tác bằng cách chủ động cắt giảm doanh thu để miễn, giảm phí vận chuyển, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân khắc phục hậu quả của dịch bệnh, phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh trong trạng thái bình thường mới. Nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước, quyền lợi của cổ đông và người lao động luôn được đảm bảo với mức nộp ngân sách 666 tỷ đồng, dự kiến cổ tức tiền mặt năm 2021 là 15%.

Hàng loạt các sự kiện đặc biệt đã diễn ra trong năm 2021 như: Khai trương Trung tâm Logistics hiện đại hàng đầu tại TP.HCM; chuẩn bị xây dựng 6 trong tổng số 17 kho fulfillment tiêu chuẩn quốc tế; triển khai chương trình đồng hành tiêu thụ nông sản cùng cơ quan chính quyền, xuất



THÔNG TIN CHUNG

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



Thông tin khái quát

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0104093672**

Vốn điều lệ: **1.035.584.920 đồng**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **1.035.584.920 đồng**

Địa chỉ trụ sở: **Số 01, phố Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội**

Địa chỉ liên hệ: **Tòa nhà N1, Km2 đại lộ Thăng Long, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**

Điện thoại: **(84-24)-62660306**

Website: www.viettelpost.com.vn

Mã cổ phiếu: **VTP**

Sàn giao dịch: **Upcom**

Ngành nghề kinh doanh chính:

Chuyển phát: Chuyển phát truyền thống, phát hàng thu tiền COD, chuyển phát quốc tế.

Logistics: Vận tải nguyên chuyển, vận tải hàng gom, freight forwarding, dịch vụ kho, khai báo hải quan.

Thương mại dịch vụ: Vé máy bay, văn phòng phẩm, voso.vn, dịch vụ viễn thông, quản lý vận hành cửa hàng, điểm bán viễn thông...

Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu là thị trường trong nước và thị trường Campuchia, Myanmar.

**SỰ KIỆN TIÊU BIỂU
VÀ GIẢI THƯỞNG CỦA
VIETTEL POST NĂM 2021**

Giải thưởng tiêu biểu

STT	PHẠM VI	TÊN GIẢI THƯỞNG	LĨNH VỰC
1	Quốc tế	Giải thưởng Kinh doanh Quốc tế (The International Business Awards- IBA)	Giải Vàng hạng mục “Công ty của năm ngành Giao thông Vận tải”
2			Giải Vàng hạng mục “Đội ngũ Quản lý của năm”
3	Châu Á – Thái Bình Dương	Giải thưởng CNTT Châu Á – Thái Bình Dương APICTA 2021	Hạng mục Consumer – Retail and Distribution (Tiêu dùng - Bán lẻ và phân phối)
4	Việt Nam	Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2021 (TOP 10)	Thương hiệu/Kinh doanh
5		Giải thưởng TOP 1 Công ty uy tín ngành Logistics 2021	Thương hiệu/Kinh doanh
6		Giải thưởng Make in Vietnam 2021	Giải Vàng hạng mục Nền tảng số xuất sắc: Vở Sò
7			TOP 10 hạng mục Thu hẹp khoảng cách số: app ViettelPost
8			Hạng mục Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc
9		Giải thưởng Chuyển đổi số xuất sắc VDA 2021	Hạng mục Chuyển đổi số tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn: Vở Sò
10		Giải thưởng TOP 10 Doanh nghiệp CNTT Việt Nam	CNTT
11		Giải thưởng TOP 10 Doanh nghiệp niêm yết có Năng lực Quản trị tốt nhất năm 2021	Kinh doanh
12		Giải thưởng TOP 10 Doanh nghiệp niêm yết có Năng lực Quản trị tốt nhất năm 2021	Kinh doanh
13		Giải thưởng Sao Khuê 2021	Lĩnh vực Giao thông vận tải & Logistics: MyGo
14	Lĩnh vực TMĐT: Vở Sò		
15	Lĩnh vực Quản lý bán hàng, phần mềm, bán lẻ và chuỗi cung ứng: ViettelSale		
16		Bảng khen cho doanh nghiệp có thành tích trong hoạt động Logistics năm 2021 do Bộ Công thương trao tặng	Kinh doanh



SỰ KIỆN, TIÊU BIỂU

Khai trương và đưa vào hoạt động Trung tâm Logistics miền Nam và kho fulfillment hiện đại

Các công nghệ hiện đại hàng đầu được trang bị như hệ thống băng chuyền chia chọn tự động, robot, găng tay scan... đánh dấu bước chuyển dịch từ Tổng công ty Bưu chính chuyển phát trở thành Công ty Công nghệ Logistics.

Linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh thời kỳ dịch bệnh

Viettel Post đã xây dựng các kịch bản ứng phó để đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chương trình “đẩy mạnh tiêu thụ nông sản - thực phẩm”, “đi chợ hộ”, đã góp phần cùng cả nước phòng chống dịch, được chính quyền và người dân địa phương đánh giá cao.

Song song, Viettel Post đã đưa hơn 2,5 triệu hộ sản xuất nông nghiệp chuyển đổi số, hỗ trợ tiêu thụ 12.871 tấn nông sản

Triển khai hoạt động trách nhiệm xã hội

Đã có hơn 500.000 suất quà, trị giá hơn 80 tỷ đồng được Viettel Post trao đến những người yếu thế bị ảnh hưởng bởi Covid19, góp phần giúp người dân an tâm ở nhà, an toàn chống dịch.



Xuất khẩu thành công vải thiều sang Châu Âu

Tháng 6 năm 2021, lần đầu tiên nông sản Việt Nam xuất khẩu sang Châu Âu qua mô hình "Thương mại điện tử xuyên biên giới" trên nền tảng của Việt Nam do Viettel Post vận hành và phát triển. Trong tương lai, mô hình này sẽ tiếp tục nhân rộng, mở ra tương lai cho sản phẩm Việt trên thị trường quốc tế.

Không ngừng chuyển đổi số

Viettel Post đã đưa mô hình bưu cục số triển khai rộng khắp, số hóa hoàn toàn hoạt động điều hành chất lượng dịch vụ. Điểm trường thành số của Viettel Post đạt 3.0, tăng 0.64 điểm so với thời điểm T1/2021.

Quy hoạch mạng lưới 17 kho nhằm tối ưu quy trình vận chuyển

Hệ thống 17 kho lớn theo mô hình kho thông minh, tại 17 thị trường trọng điểm chính là bước tiến quan trọng của Viettel Post trong mục tiêu mở rộng hạ tầng; giúp Viettel Post nâng cao năng lực mạng lưới chuyển phát, hoàn thiện hệ sinh thái chuỗi cung ứng, cung cấp đa dạng sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng. 17 kho thông minh có chức năng chính là chia chọn, cung cấp dịch vụ E-fulfillment, distribution.

Hợp nhất kênh bán toàn Tập đoàn, đưa Viettel Post trở thành công ty có lực lượng bán hàng hàng đầu Việt Nam

Viettel Post đã hoàn thiện phát triển mô hình quản lý từ cấp Tổng Công ty – tỉnh – huyện – bưu cục/điểm bán. Các hoạt động về bán hàng, phục vụ khách hàng được thông suốt, theo từng kênh bán chuyên nghiệp. Xây dựng bộ máy quản lý dùng chung nhằm nâng cao năng suất, lao động và tiết kiệm chi phí lực lượng gián tiếp.

Chuẩn hoá theo quy trình quốc tế

Từ tháng 7/2021, Viettel Post đã chính thức xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào hoạt động sản xuất kinh doanh; tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2013 vào vận hành nội bộ nhằm tăng cường an ninh an toàn trong công tác quản lý thông tin.

“Bội thu” giải thưởng trong nước và quốc tế

Năm 2021 đánh dấu lần thứ 3 liên tiếp Viettel Post đạt giải thưởng Kinh doanh quốc tế với 02 giải vàng. Ngoài ra, Viettel Post cũng nhận được nhiều giải thưởng trong nước từ lĩnh vực logistics, CNTT, chuyển đổi số cho đến chứng khoán.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Viettel Post tiền thân là Trung tâm phát hành báo chí được thành lập ngày 01/07/1997. Với nhiệm vụ ban đầu là phục vụ các cơ quan trong Bộ Quốc phòng. Năm 2006, Bưu chính Viettel chuyển đổi từ mô hình hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập, thành lập Công ty TNHH NN 1 TV Bưu chính Viettel. Năm 2009, Viettel Post chính thức hoạt động với tư cách Công ty Cổ phần sau khi thực hiện thành công kế hoạch cổ phần hóa thông qua việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 13/04/2012, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel, mã số doanh nghiệp 0104093672. Với việc cấp phép này Viettel Post chính thức là Tổng Công ty Cổ phần đầu tiên trong mô hình Tập đoàn Viễn thông Quân đội nay là Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.

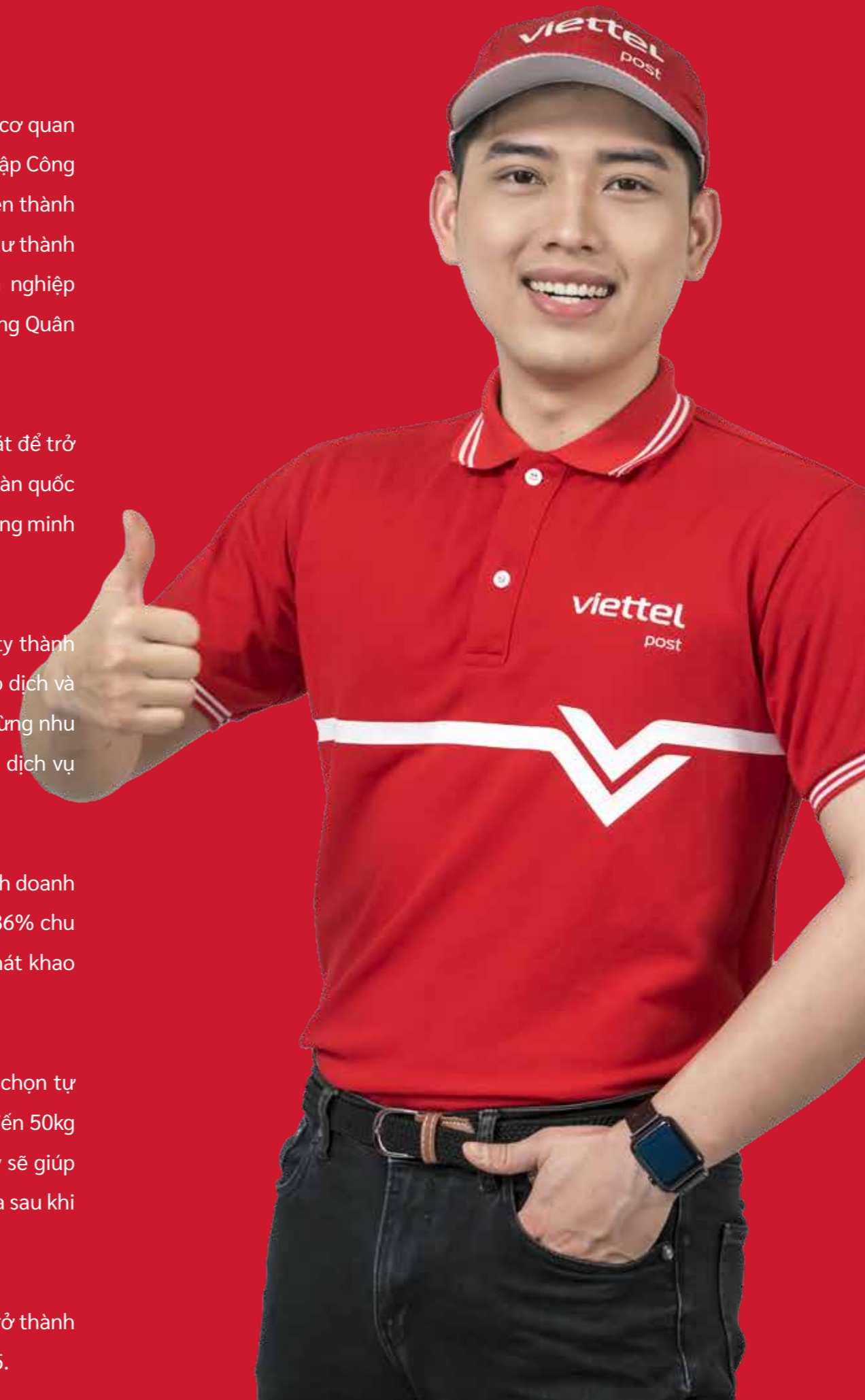
Với tầm nhìn dài hạn và quan điểm phát triển bền vững, Bưu chính Viettel định hướng tập trung đầu tư vào lĩnh vực Chuyển phát để trở thành một trong những thương hiệu chuyển phát hàng đầu tại Việt Nam với mạng lưới rộng khắp 100% các tỉnh thành trên toàn quốc tới tận thôn, xã, hải đảo. Sứ mệnh của chúng tôi là hướng đến tạo dựng một hệ sinh thái khép kín dựa trên nền tảng Logistics thông minh để mang lại dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Đến nay, Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel đang sở hữu 63 Chi nhánh, 09 phòng ban chức năng, 3 Trung tâm, 5 Công ty thành viên, 3 kho tổng, 63 kho tỉnh tổng diện tích hơn 209.000 m², 6 trung tâm khai thác, 3.000 bưu cục, cửa hàng, 6.000 điểm giao dịch và 38.000 CBNV chuyên nghiệp. Viettel Post cung cấp các dịch vụ chính là Chuyển phát nhanh trong nước - quốc tế đáp ứng với từng nhu cầu vận chuyển của khách hàng, tương ứng cho từng loại hàng hóa đặc thù, kèm dịch vụ cộng thêm đa dạng, bên cạnh đó là dịch vụ Logistics và Thương mại điện tử.

Không chỉ tập trung phát triển dịch vụ trong nước, Bưu chính Viettel còn vươn mình thành doanh nghiệp bưu chính đầu tiên kinh doanh tại thị trường nước ngoài, kết nối thành công 23/23 tỉnh của Campuchia. Tại Myanmar, Viettel Post đã vận hành thành công 86% chu trình hàng hóa trong mảng Logistics. Việc đầu tư ra thị trường nước ngoài không chỉ là một bước tiến táo bạo mà còn là khát khao muốn vươn mình tới tầm thế giới của Viettel Post.

Ngày 24/01/2021, Viettel Post khai trương Trung tâm Logistics miền Nam tại Quận 12, TP HCM. Hệ thống băng chuyền chia chọn tự động ở đây có công suất 42.000 bưu phẩm/giờ. Đây là hệ thống duy nhất tại Việt Nam tích hợp được chia tự động hàng nặng đến 50kg và hàng nhỏ trên cùng một kịch bản chia, do Viettel Post làm chủ sáng kiến và công nghệ. Băng chuyền chia chọn tự động này sẽ giúp Viettel Post thay đổi hoàn toàn cách làm cũ khi cho phép chia chọn tự động một cách chính xác đến từng quận, huyện. Hàng hóa sau khi được chia chọn qua trung tâm Logistics này sẽ được kết nối đến khách hàng mà không cần thực hiện chia chọn lần hai.

Sự kiện này đánh dấu bước phát triển mới của Viettel Post trong lộ trình chuyển dịch từ Tổng công ty Bưu chính chuyển phát trở thành Tổng công ty Logistics, tiến tới trở thành doanh nghiệp Logistics số 1 Việt Nam dựa trên nền tảng công nghệ cao vào năm 2025.



Các mốc phát triển

NĂM 2009

14/01/2009: Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel được chính thức cổ phần hóa theo Quyết định số 123/QĐ-BQP.

03/2009: Viettel Post chính thức bán cổ phiếu ra công chúng qua Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với số lượng 1.526.600 cổ phần, giá bình quân 10.171 đồng/cổ phần

18/06/2009: Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

07/2009: Công ty TNHH Nhà Nước 1 thành viên Bưu chính Viettel được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103038883, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 60 tỷ đồng.

07/2009: Công ty cổ phần Bưu chính Viettel chính thức kinh doanh dịch vụ tại thị trường Campuchia.

09/2009: Công ty cổ phần Bưu chính Viettel chính thức khai trương dịch vụ chuyển phát nhanh 5 tỉnh tại Campuchia.

NĂM 2011

02/2011: Bộ thông tin & truyền thông cấp phép chuyển phát thư Quốc tế cho Công ty cổ phần Bưu chính Viettel.

03/2011: Thành lập Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Thành phố Hồ Chí Minh.

05/2011: Thành lập Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Hà Nội.

NĂM 2012

04/2012: Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel với số đăng ký 0104093672 và vốn điều lệ 60 tỷ đồng.

NĂM 2015

05/2015: Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 30/2015/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký là 6.899.541 cổ phiếu.

NĂM 2016

Tổng Công ty đã thực hiện cuộc bút phá thần tốc với 315 bưu cục được phát triển trong năm 2016, tương đương với số bưu cục mà Tổng Công ty mở được trong 18 năm trước đó.

NĂM 2017

04/2017: Mở Công ty thành viên tại Myanmar, tiếp tục khẳng định Bưu chính Viettel là doanh nghiệp bưu chính Việt Nam đầu tiên và duy nhất đầu tư trực tiếp nước ngoài.

12/2017: Viettel Post lọt danh sách doanh nghiệp 5.000 tỷ đồng.

NĂM 2018

07/2018: Tổ chức tiếp nhận hệ thống kênh cửa hàng từ Tổng Công ty Viễn thông Viettel (Viettel Telecom) sang Viettel Post. Đồng thời, Viettel Post đã ra mắt ứng dụng giao hàng Viettel Post tích hợp nhiều công nghệ đột phá đánh dấu bước chuyển mình của một doanh nghiệp truyền thống trong cuộc Cách mạng công nghệ 4.0.

23/11/2018: Cổ phiếu của Bưu chính Viettel chính thức giao dịch trên sàn UpCom.

NĂM 2019

07/2019: Viettel Post đồng thời ra mắt 2 sản phẩm: Ứng dụng gọi xe & giao hàng trực tuyến MyGo và sàn Thương mại điện tử Vò Sò. Đây là 2 sản phẩm chiến lược nằm trong hệ sinh thái của Viettel Post nói riêng và Tập đoàn Viettel nói chung.

NĂM 2020

11/2020: Giữ vững vị trí Top 1 công ty Logistics uy tín nhóm ngành chuyển phát nhanh.

Các thành tựu của Viettel Post

Năm 2010	Đón nhận giải thưởng “Thương hiệu nổi tiếng nhất ngành hàng Bưu chính tại Việt Nam năm 2010” do Người tiêu dùng bình chọn.
Năm 2012	05/2012: Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba cho Bưu chính Viettel vì có thành tích xuất sắc trong công tác từ 2007 – 2011, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
Năm 2014	12/2014: Viettel Post đã được lựa chọn từ 1.500 hồ sơ, đại diện cho Viettel, Viettel Post cùng 62 thương hiệu mạnh khác đã được vinh danh trong lễ công bố thương hiệu Quốc gia – Vietnam Value 2014.
Năm 2016	11/2016: Viettel Post nhận giải thưởng Thương hiệu Quốc gia năm 2016 do Bộ Công thương tặng. 12/2016: Viettel Post được vinh danh trong lễ công bố thương hiệu Quốc gia lần thứ hai. Bộ Thông tin và Truyền thông trao giải thưởng VICTA dành cho doanh nghiệp ứng dụng CNTT hiệu quả nhất.
Năm 2017	05/2017: Đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì. Đây là sự ghi nhận của Đảng, Nhà nước và Quân đội đối với những đóng góp xuất sắc trong lao động sản xuất từ năm 2012 đến 2016.
Năm 2018	Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng năm 2018. Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2018. Giải thưởng Thương hiệu Quốc gia năm 2018.
Năm 2019	Viettel Post là Công ty Vận tải và Logistics uy tín số 1 Việt Nam 2019 – Vietnam Report Giải thưởng kinh doanh quốc tế IBA Stevie Award (2019): Giải vàng CEO của năm trong ngành Giao thông – Vận tải: TGD Trần Trung Hưng.

Năm 2020

Giải bạc công ty của năm trong ngành Giao thông – Vận tải.

Giải bạc sản phẩm dịch vụ tiêu biểu trong ngành vận tải: Ứng dụng Viettel Post.

Giải đồng bộ phận truyền thông của năm: Phòng Đào tạo truyền thông.

Giải vàng sản phẩm công nghệ đột phá – Stevie Award Châu Á Thái Bình Dương: Ứng dụng Viettel Post.

Giải bạc sản phẩm công nghệ tiêu biểu – IT Word Awards: Ứng dụng Viettel Post.

Danh hiệu Sao Khuê – Hiệp hội phần mềm dịch vụ CNTT Việt Nam (Vinaso): Ứng dụng Viettel Post.

Giải Nhì sản phẩm công nghệ số “Make in Viet Nam” năm 2020

Công ty Vận tải và Logistics uy tín số 1 Việt Nam 2019-2020 – Vietnam Report

Giải Bạc hạng mục “Công ty tăng trưởng tốt nhất” tại giải thưởng Kinh doanh Quốc tế IBA Stevie Award 2020

Bốn kỳ liên tiếp nhận được danh hiệu Thương hiệu Quốc gia: 2014-2016-2018-2020

Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc tại Việt Nam 2020

Danh hiệu Sao Khuê – Hiệp hội phần mềm dịch vụ CNTT Việt Nam (Vinaso): Ứng dụng ViettelPost và Sàn vận tải đa phương thức MyGo

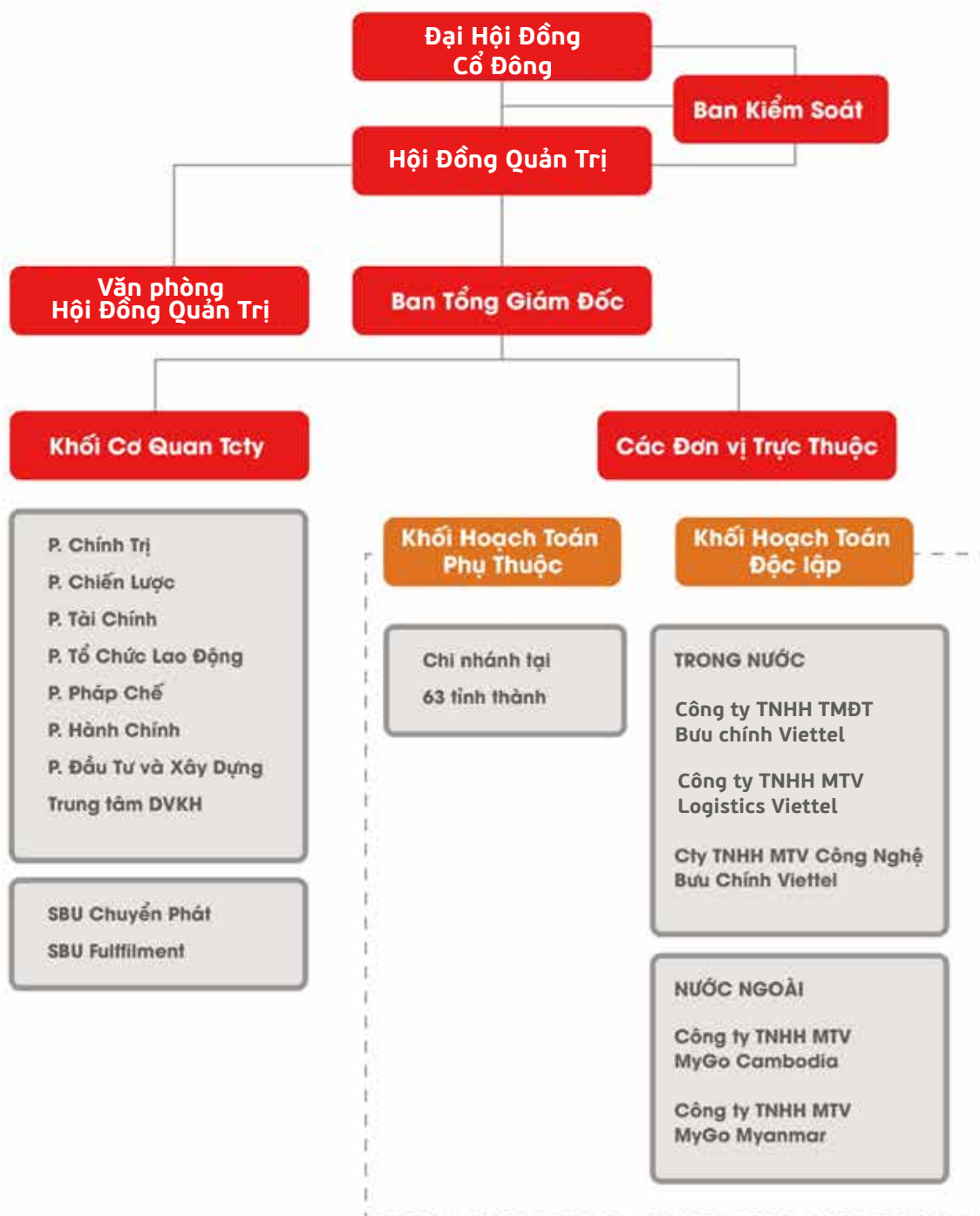
Top 10 Doanh nghiệp ICT Việt Nam 2020

Bằng khen do bộ Công thương trao tặng cho doanh nghiệp có thành
Bằng khen do Bộ TT&TT trao tặng cho doanh nghiệp có đóng góp trong việc phòng chống dịch Covid - 19

Thông tin về mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị: Viettel Post hoạt động theo mô hình quản trị gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ NĂM 2021.



Công ty con do Viettel Post nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối:

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIETTEL:

Địa chỉ	: Số 1, phố Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ đăng ký	: 10.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 10.000.000.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh chính	: Xuất bản phần mềm, quản trị hệ thống
Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Post	: 100%

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ BƯU CHÍNH VIETTEL

Địa chỉ	: Tòa nhà N2, Km số 2, Đại lộ Thăng Long, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vốn điều lệ đăng ký	: 10.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 10.000.000.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh chính	: Bán buôn, Bán lẻ các loại hàng hóa và dịch vụ, Đại lý
Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Post	: 100%

CÔNG TY TNHH MTV LOGISTICS VIETTEL

Địa chỉ	: 306 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Vốn điều lệ đăng ký	: 10.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 10.000.000.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh chính	: Bưu chính, Chuyển phát, Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, Vận tải hàng hóa, Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Post	: 100%

CÔNG TY TNHH MTV MYGO CAMBODIA

Địa chỉ	: No 38, Charak Thmey, Sangkat Veal Vong, Khan 7 Makara, Phnompenh, Cambodia
Vốn điều lệ đăng ký	: 555.556 USD
Vốn điều lệ thực góp	: 372.200 USD
Ngành nghề kinh doanh chính	: Xuất nhập khẩu, Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Post	: 100%

CÔNG TY TNHH MTV MYGO MYANMAR

Địa chỉ	: 100-104 48th Street, Botahtaung Township, Yangon
Vốn điều lệ đăng ký	: 300.000 USD
Vốn điều lệ thực góp	: 150.000 USD
Ngành nghề kinh doanh chính	: Dịch vụ kho bãi, dịch vụ hỗ trợ logistics, dịch vụ hải quan, cho thuê xe
Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Post	: 100%

Định hướng phát triển:

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA TỔNG CÔNG TY:

- Trở thành Công ty Logistics số 1 tại Việt Nam dựa trên nền tảng công nghệ cao.
- Xây dựng và đưa vào vận hành 17 trung tâm Logistics công nghệ công hiện đại nhất Việt Nam, làm chủ công nghệ chia chọn tự động.
- Phát triển sàn mygo trở thành sàn vận tải lớn nhất tại Việt Nam.
- Trở thành công ty có chất lượng chuyển phát, trải nghiệm khách hàng tốt nhất Việt Nam.
- Phát triển sàn Voso nằm trong Top 5 sàn có lượt giao dịch lớn nhất Việt Nam.
- Vận hành kênh bán Online to Offline lớn nhất Việt Nam.

Các rủi ro

Hoạt động của Tổng Công ty chủ yếu là giao hàng, thương mại, dịch vụ vì vậy các rủi ro chủ yếu như sau:

- Rủi ro về tăng trưởng kinh tế và sức mua của người tiêu dùng.
- Rủi ro về quản lý công nợ, hàng hóa.
- Rủi ro về điều kiện thời tiết (bão lũ) ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh.
- Rủi ro về tình hình dịch bệnh.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN:

Mục tiêu doanh thu:

Đến năm 2025 đạt tổng doanh thu trên 1 tỷ đô la, chiếm 35% thị phần chuyển phát tại Việt Nam.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ - PHÁT TRIỂN

- Đầu tư xây dựng hạ tầng Logistics;
- Đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào hoạt động kinh doanh;
- Trình độ quản lý tiên tiến;
- Phát triển nguồn nhân lực;
- Đầu tư vào phát triển sản phẩm.



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Số lượng cổ phiếu tính đến ngày 31/12/2021)

ÔNG NGUYỄN THANH NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kinh tế, Kỹ sư Vô tuyến điện tử và Thông tin liên lạc.
QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:	
1990 - 1997	Giảng viên tại Binh chủng thông tin liên lạc
1997 - 2009	Giám đốc Công ty truyền dẫn Viettel - Tcty viễn thông Quân đội
2010 - 2014	Trưởng Phòng Kế hoạch - Tập đoàn Viễn thông Quân đội
2014 - 2015	Tổng giám đốc Tcty mạng lưới - Tập đoàn Viễn thông Quân đội
2015 - 2017	Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư quốc tế Viettel
2017 - 2018	Tổng Giám đốc Viettel Myanmar
2018 - đến nay	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
2021 - đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Viettel - CHT
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	31.958 cổ phần (chiếm 0,031% vốn điều lệ)
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	37.787.351 cổ phần (chiếm 36,4% vốn điều lệ) đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không

ÔNG NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN

NGUYÊN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Điện tử viễn thông

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

1991 - 2001 Binh chủng thông tin liên lạc

2001 - 2011 Giám đốc Trung tâm – Tổng Công ty Viễn thông Quân đội

2011 - 2015 Viện trưởng Viện nghiên cứu - Tập đoàn Viễn thông Quân đội

2015 - 2018 Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội

2018 – nay Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội

2020 - 2021 Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel, Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel

Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội

Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)

Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty: Không

ÔNG TRẦN TRUNG HƯNG

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp
QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:	
10/2003 - 04/2010	Trưởng Bưu cục Hàng Cót - Công ty Bưu chính Viettel
04/2010 - 06/2012	Trưởng phòng Kinh doanh - Chi nhánh Hà Nội 2 - Công ty Bưu chính Viettel
07/2012 - 10/2015	Giám đốc Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Hà Nội
10/2015 - 02/2016	Giám đốc Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Hồ Chí Minh
02/2016 - 05/2016	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
06/2016 - đến nay	Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
2016 - đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Logistics Viettel
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	316.493 cổ phần (chiếm 0,3% vốn điều lệ)
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	12.595.783 cổ phần (chiếm 12,2% vốn điều lệ) đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không

BÀ NGHIÊM PHƯƠNG NHI

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ kinh doanh quốc tế
QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:	
07/2007 - 01/2008	Trợ lý Trung tâm Đầu tư tài chính – Tổng Công ty Viễn thông Quân đội
01/2008 - 06/2011	Trưởng bộ phận Đầu tư tài chính – Phòng Đầu tư phát triển - Tổng Công ty Viễn thông Quân đội
06/2011 – 01/2018	Trưởng phòng Đầu tư Tài chính - Tập đoàn Viễn thông Quân đội
01/2018 – nay	Trưởng Ban Đầu tư Tài chính - Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội
04/2014 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Trưởng Ban Đầu tư Tài chính - Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội, Thành viên Hội đồng quản trị Tcty Cổ phần Công trình Viettel, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	12.595.783 cổ phần (chiếm 12,2% vốn điều lệ) đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không

ÔNG NGUYỄN VIỆT DŨNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ
QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:	
08/2004 - 05/2010	Phó Phòng, Phó Giám đốc về kinh doanh tại Công ty Viễn thông Viettel, Công ty Viettel Cambodia
06/2010 - 06/2014	Phó Phòng Chiến lược kinh doanh, Trưởng phòng Nghiên cứu chiến lược – Tập đoàn Viễn thông Quân đội
06/2014 – 09/2015	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel.
09/2015 – 12/2016	Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Viễn thông Viettel.
01/2017 – 02/2017	Trưởng Ban Marketing - Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội
02/2017 – 03/2018	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel.
04/2018 – 09/2018	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty Viễn thông Viettel.
09/2018 – đến nay	Trưởng Ban Chiến lược Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội
04/2019 – đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Trưởng Ban Chiến lược - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không

ÔNG ĐÌNH THANH SƠN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



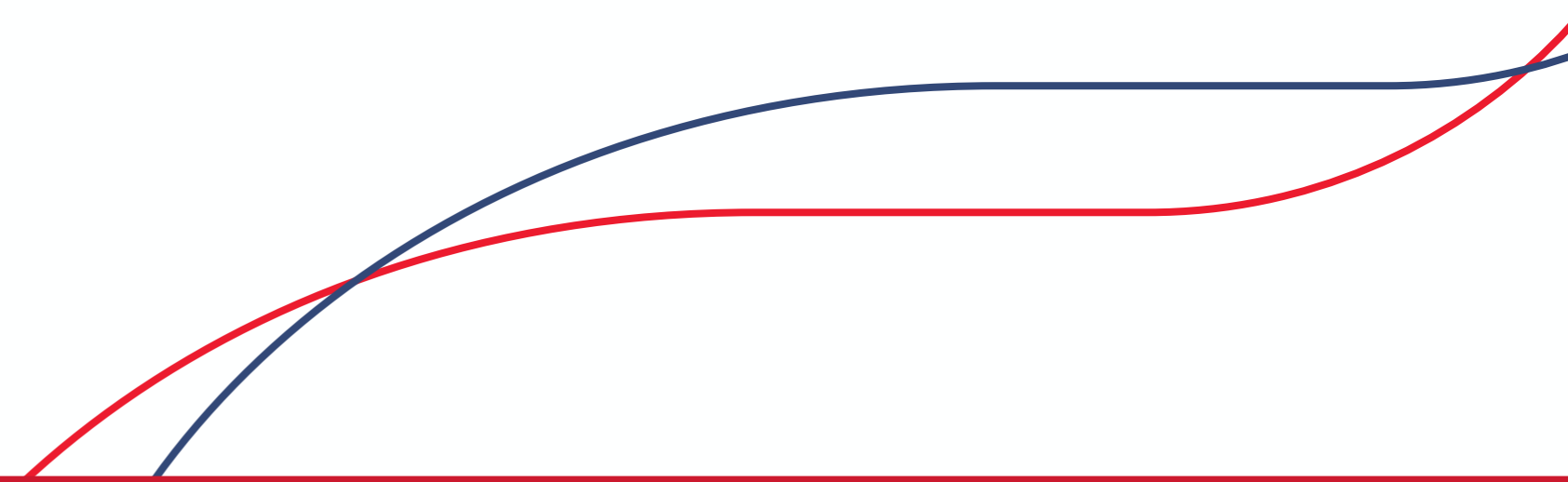
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh
QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:	
09/2004 - 03/2008	Trưởng Bưu Cục – Bưu Cục Cầu Giấy
03/2008 - 05/2008	Trưởng Ban quản lý khách hàng lớn – Phòng Chiến lược kinh doanh – Công Ty TNHH MTV Nhà Nước Bưu Chính Viettel
06/2008 - 04/2010	Trưởng Bưu Cục - Bưu Cục Triệu Việt Vương – Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
04/2010 - 03/2015	Trưởng Phòng - Phòng Chiến lược kinh doanh - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
03/2015 - 05/2015	Giám đốc - Công Ty TNHH MTV Bưu chính Liên tỉnh - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
05/2015 - 09/2015	Trưởng Phòng - Phòng Chiến lược kinh doanh, Phòng Hậu cần thương mại điện tử và Phòng Chuyển phát trong nước - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
10/2015 - 12/2016	Giám đốc - Công Ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
01/2017 – đến nay	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty:	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thương mại điện tử Bưu chính Viettel
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	19.822 cổ Phần (Chiếm 0,019 % vốn điều lệ)
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không

ÔNG NGUYỄN ĐẮC LUÂN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHUYÊN TRÁCH



Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:	
10/2005 – 04/2010	Giám đốc Trung tâm Đường trục - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
04/2010 – 08/2019	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
04/2014 – đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	13.312 cổ phần (chiếm 0,012% vốn điều lệ)
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không



ÔNG ĐÌNH NHƯ TUYNH

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:	
1999 – 2000	Công ty tư vấn đầu tư Vinajuco
2000 - 2011	Nhân viên, Trưởng phòng, Giám đốc Chi nhánh Ngô Quyền – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
2011 – 05/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu (GPBank)
05/2012 – 01/2021	Phó Giám đốc, Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBank)
01/2021 – nay	Phó Tổng Giám đốc thường trực, Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Quân đội
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó Tổng Giám đốc thường trực, Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Quân đội
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG TRẦN TRUNG HƯNG – TỔNG GIÁM ĐỐC

(Vui lòng theo dõi thông tin tại mục thành viên Hội đồng quản trị)

ÔNG ĐÌNH THANH SƠN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

(Vui lòng theo dõi thông tin tại mục thành viên Hội đồng quản trị)

(Số lượng cổ phiếu tính đến ngày 31/12/2021)

ÔNG NGUYỄN HOÀNG LONG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc Sĩ Kỹ Thuật Điện Tử
QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:	
09/2013 - 07/2015	Giám đốc - Trung tâm sản xuất thiết bị viễn thông và Trung tâm nghiên cứu phát triển thiết bị mạng viễn thông Viettel
08/2015 - 10/2016	Phó Giám đốc Trung Tâm - Trung tâm dịch vụ giải pháp, Trung tâm dịch vụ di động và Trung tâm Digital - Tổng Công ty Viễn thông Viettel
11/2016 - 02/2017	Giám Đốc Kỹ Thuật - Khối Digital - Tổng Công ty Viễn thông Viettel
03/2017 - 10/2017	Phó Giám đốc Trung tâm - Trung tâm Phần mềm viễn thông - Tổng Công ty viễn thông Viettel
11/2017 - 01/2018	Trưởng Phòng - Phòng Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ Block Chain - Tổng Công ty viễn thông Viettel
02/2018 - đến nay	Phó Tổng Giám Đốc - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty:	Phó Tổng Giám Đốc - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Công nghệ Bưu chính Viettel
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	10.932 cổ phần (Chiếm 0,010% vốn điều lệ)
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 Cổ Phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không

ÔNG PHẠM VĂN TUYÊN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị doanh nghiệp
QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:	
04/2006 - 04/2010	Trưởng Bưu cục Hà Đông
04/2010 - 06/2012	Giám Đốc CN 4 – Công ty Bưu chính Viettel
07/2012 - 07/2014	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Hà Nội
08/2014 - 06/2015	Trưởng phòng Chiến lược kinh doanh - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
06/2015 - 06/2016	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Hà Nội
06/2016 - 12/2016	Phó Giám đốc Trung tâm Logistics - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
01/2017 - 08/2018	Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty TNHH MTV Bưu chính liên tỉnh
15/08/2018 – 10/05/2020 và từ 10/05/2021 - nay	Giám đốc Công ty TNHH MTV Logistics Viettel
12/2019 – đến nay	Quyền Phó Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công Ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty:	Phó Tổng Giám Đốc - Tổng Công Ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	16.760 cổ phần (Chiếm 0,016 % vốn điều lệ)
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 Cổ Phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không

ÔNG NGUYỄN THÀNH NHƯƠng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học điện tử viễn thông

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

04/2008 - 04/2009 Phó Giám đốc CNKD Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Viễn thông Quân đội

04/2009 - 10/2009 Giám đốc CNKD Đồng Tháp - Tổng Công ty Viễn thông Quân đội

10/2009 - 06/2014 Phó Giám đốc, Giám đốc Viettel Đồng Nai; Giám đốc Viettel Bình Dương

07/2014 - 11/2014 Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viễn thông Viettel

12/2014 - 06/2015 Phó Giám đốc Công ty Viettel Cambodia

07/2015 - 10/2015 Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty Viettel Peru

10/2015 - 07/2019 Giám đốc Công ty Viettel Cambodia

07/2019 - 10/2021 Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Viễn thông Viettel

10/2021 - nay Phó Tổng Giám đốc Tổng Công Ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thương mại điện tử bưu chính Viettel

Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công Ty Cổ phần Bưu chính Viettel

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại điện tử bưu chính Viettel

Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu: 0 Cổ Phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu: 0 Cổ Phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty: Không

ÔNG PHẠM THANH SƠN

NGUYÊN PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Giao thông vận tải

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

08/2011 - 04/2013 Phó Giám Đốc KD - VIETTEL Long An

04/2013 - 03/2014 Giám Đốc CN SVA, Trưởng Trung tâm KD CN PRE - Công ty Viettel Cambodia Pte.,Ltd

06/2014 - 03/2017 Phó Giám Đốc KD - VIETTEL Lâm Đồng, VIETTEL Hậu Giang, VIETTEL Cần Thơ

04/2017 - 06/2019 Giám đốc Chi nhánh - VIETTEL Tây Ninh

06/2019 - 10/2021 Trưởng Đại diện miền Nam, Quyền Phó Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel

Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty: Không

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (Chiếm 0% vốn điều lệ)

Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ Phần (Chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty: Không

ÔNG LÊ TUẤN ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

11/2003 - 03/2015 Trưởng Phòng Tài chính, Kế toán trưởng – Công ty thương mại xuất nhập khẩu Viettel

04/2015 – đến nay Trưởng Phòng Tài chính, Kế toán trưởng - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty: Trưởng Phòng Tài chính, Kế toán trưởng - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu: 12.599 cổ phần (Chiếm 0,02% vốn điều lệ)

Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (Chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với tổng Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty: Không

Những thay đổi của hội đồng quản trị và ban điều hành năm 2021

Trong năm 2021, Đại hội đồng cổ đông Viettel Post ban hành Nghị quyết số 48/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021, miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Đình Chiến và bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Nam giữ chức vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 – 2024. Cùng ngày, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 50/NQ-HĐQT bầu ông Nguyễn Thanh Nam là Chủ tịch HĐQT.

Trong năm 2021, HĐQT Viettel Post ban hành Nghị quyết số 137/NQ-HĐQT miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với ông Phạm Thanh Sơn và ban hành Nghị quyết số 138/NQ-HĐQT bổ nhiệm ông Nguyễn Thành Nhung giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc.



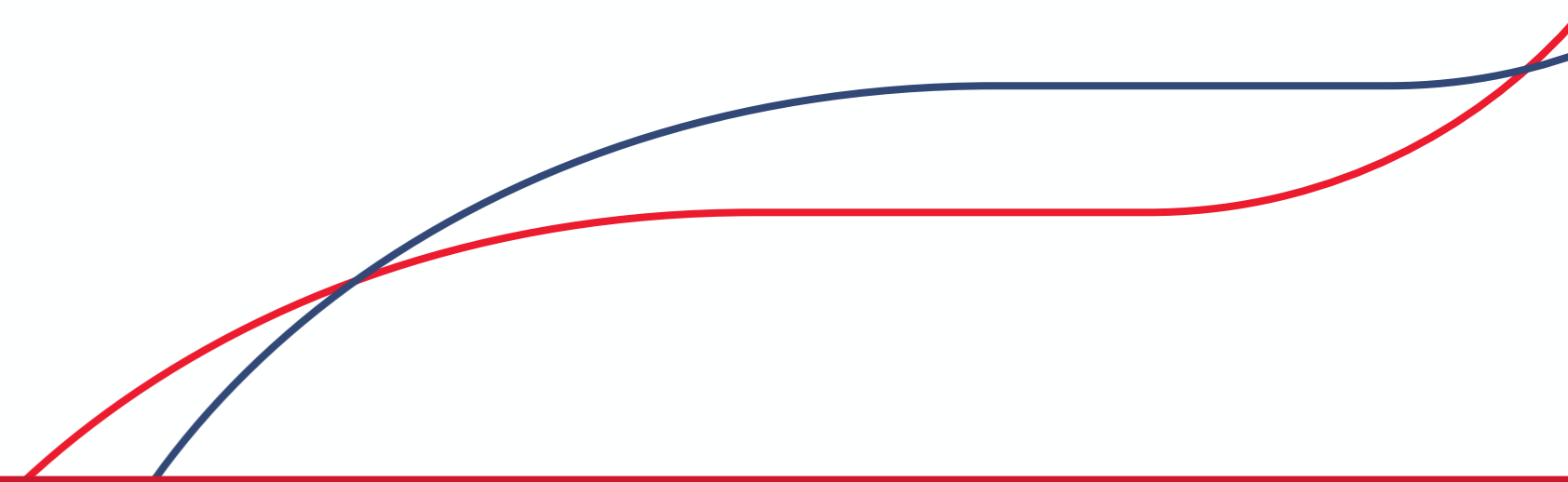
GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

(Số lượng cổ phiếu tính đến ngày 31/12/2021)

ÔNG NGUYỄN NGỌC ANH
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT CHUYÊN TRÁCH



09/2000 – 01/2004	Kế toán viên tại Công ty Quảng An I, Công ty Eresson và Công ty Dược phẩm Sài Thành
01/2004 – 03/2015	Nhân viên, chuyên viên, Phó Phòng, Trưởng Phòng Tài chính Công ty Bưu chính Viettel.
03/2015 – 11/2017	Chuyên viên quyết toán dự án – Công ty Bất động sản Viettel
11/2017 – 05/2018	Trưởng phòng Quản lý nợ - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
05/2018 – đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty:	Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	4.304 cổ phần (Chiếm 0,004% vốn điều lệ)
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 cổ phần (Chiếm 0,00% vốn điều lệ)
Các khoản nợ đối với tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không



BÀ LÊ THỊ THANH THOẢNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CHUYÊN TRÁCH



Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ tài chính kế toán

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

11/2007 – 08/2011 Nhân viên, chuyên viên kế toán – Công ty Bưu chính Viettel

08/2011 – 12/2016 Chuyên viên kế toán Công ty TNHH MTV Bưu chính liên tỉnh, Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

01/2017 – 04/2018 Chuyên viên kế toán – Phòng Tài chính - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

05/2018 – đến nay Thành viên Ban Kiểm soát - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV TMĐT Bưu chính Viettel và Công ty TNHH MTV Công nghệ Bưu chính Viettel

Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu: 549 cổ phần (Chiếm 0,0005% vốn điều lệ)

Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (Chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với tổng Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty: Không

BÀ NGUYỄN THỊ THANH
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CHUYÊN TRÁCH



Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

12/2013 – 03/2017 Nhân viên kế toán – Công ty TNHH MTV Bưu chính liên tỉnh Viettel

03/2017 – 03/2018 Nhân viên kế toán – Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

03/2018 – 05/2018 Nhân viên kế toán – Công ty TNHH MTV Logistics Viettel

05/2018 – đến nay Thành viên Ban Kiểm soát - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Logistics Viettel

Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu: 895 cổ phần (Chiếm 0,0008% vốn điều lệ)

Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần (Chiếm 0,00% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với tổng Công ty: Không

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
CỦA VIETTEL POST
TRONG NĂM 2021**

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất trong năm:

- + Tổng doanh thu đạt: 21.555 tỷ đồng, tăng trưởng 24,3% so với năm 2020
- + Lợi nhuận trước thuế đạt: 370,6 tỷ đồng giảm 22,8% so với năm 2020
- + Lợi nhuận sau thuế đạt: 295,9 tỷ đồng giảm 22,8% so với năm 2020.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:
- + Tổng doanh thu cả năm đạt 100,6% kế hoạch năm 2021.
- + Lợi nhuận trước thuế cả năm đạt 59,76% kế hoạch năm 2021.



Nguyên nhân sụt giảm:

Năm 2021, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trong quý 3, dịch bệnh bùng phát mạnh tại 19 tỉnh phía Nam đã khiến Chính phủ phải áp dụng các chỉ thị giãn cách trong thời gian dài dẫn đến ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD chung của toàn TCT khi các hoạt động kinh doanh chính như chuyển phát logistic sụt giảm mạnh trong khi đó chi phí gai tăng như chi phí phòng chống dịch tăng, các khoản hỗ trợ người lao động và người dân khu vực chịu ảnh hưởng bởi dịch.

Tổng Công ty có những chính sách cắt giảm phí vận chuyển cho khách hàng để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng trong bối cảnh tác động của dịch Covid – 19.

Số lượng cán bộ, nhân viên (Hợp đồng lao động): 15.866 người.

Tổng Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các Quy định của Nhà nước về lao động, tiền lương, bảo hiểm; Thực hiện theo đúng thỏa ước lao động đã ký giữa người sử dụng lao động và tập thể người lao động.

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư tài sản: 40,38 tỷ đồng.

- Đầu tư tài chính: tăng 345 tỷ đồng, tương đương với tăng 21% so với năm 2020.

b. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con:

- Công ty TNHH MTV Logistics Viettel.
- Công ty TNHH MTV Thương mại điện tử Bưu chính Viettel.
- Công ty TNHH MTV Công nghệ Bưu chính Viettel.
- Công ty TNHH MTV Mygo Cambodia.
- Công ty TNHH MTV Mygo Myanmar.

Các công ty con đều hoạt động kinh doanh ổn định.



3. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	4.366.696	5.434.272	24,45%
Doanh thu thuần	17.234.282	21.452.032	24,47%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	473.786	364.968	-22,97%
Lợi nhuận khác	6.395	5.632	-11,93%
Lợi nhuận trước thuế	480.181	370.600	-22,82%
Lợi nhuận sau thuế	383.307	295.893	-22,81%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (bằng tiền mặt)	15.0%	15.0%	0.0%

(Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán).

b) Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu:

Đơn vị: Triệu đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,24	1,21
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,05	1,11
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,73	0,76
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,65	3,1
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	50,59	42,13
+ Vòng quay tổng tài Sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản	4,43	4,39
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,22%	1,38%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	34,27%	22,80%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9,72%	6,00%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,75%	1,70%

(Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán).

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Viettel Post:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động kinh doanh

Tổng doanh thu đạt: 21.555 tỷ đồng, tăng trưởng 24,3% so với năm 2020.

+ Lợi nhuận trước thuế đạt: 370,6 tỷ đồng giảm 22,8% so với năm 2020

+ Lợi nhuận sau thuế đạt: 295,9 tỷ đồng giảm 22,8% so với năm 2020.

Năm 2021 Tổng Công ty đã thực hiện đúng các lĩnh vực đã đăng ký kinh doanh, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh.

Tổng Công ty đã tổ chức thu nộp đầy đủ các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước như: Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN...đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật.

Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như chế độ lương, thưởng, đóng BHXH, BHYT, trích nộp KPCĐ đầy đủ, đúng quy định hiện hành.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã luôn có sự cố gắng, nỗ lực trong việc điều hành hoạt động SXKD của Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và định hướng phát triển của Tổng Công ty. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD một cách khoa học, đạt hiệu quả cao, thúc đẩy tăng năng suất và chất lượng lao động. Đảm bảo chế độ lương, thưởng cho người lao động, tạo sự đoàn kết, gắn bó, đồng thuận cao trong nội bộ Tổng Công ty từ đó tạo động lực thúc đẩy Tổng Công ty tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị Tổng Công ty hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông của Tổng Công ty, do vậy để hoạt động của Hội đồng quản trị ngày càng có hiệu quả các thành viên trong Hội đồng quản trị sẽ cố gắng nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công việc mình được giao;

- Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục bám sát chiến lược, định hướng phát triển của Tổng Công ty để đề ra các quyết sách đúng đắn mang lại hiệu quả cao cho hoạt động SXKD Tổng Công ty trong những năm tiếp theo;

- Tiếp tục giám sát, điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty để đảm bảo mọi hoạt động của Tổng Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ của Tổng Công ty và sử dụng có hiệu quả từng đồng vốn của các cổ đông.

Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2021, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển kinh tế xã hội. Đặc biệt, trong quý 3, dịch bệnh bùng phát mạnh tại 19 tỉnh phía Nam đã khiến Chính phủ phải áp dụng các chỉ thị giãn cách trong thời gian dài dẫn đến chuỗi cung ứng hàng hóa bị đứt đoạn, giao thương giữa các địa phương gặp nhiều khó khăn. Với 1113 nhân viên bị F0 tại Viettel Post trong năm 2021 đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD chung của toàn TCT. Nhưng Đảng ủy, Ban Tổng Giám đốc đã lãnh đạo Tổng Công ty vượt qua mọi khó khăn thách thức. Ban Tổng Giám đốc đã điều hành triệt để việc ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa trong sản xuất làm tăng năng suất lao động, quản lý chặt chẽ doanh thu, đảm bảo tốt công tác thu hồi công nợ. Đảm bảo an toàn về vốn đầu tư và kinh doanh, điều hành hoạt động kinh doanh tại các thị trường nước ngoài...

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản hợp nhất:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
1. Tài sản ngắn hạn	3.916.410	4.955.399
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	316.966	336.985
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.302.402	2.189.357
+ Hàng tồn kho	606.030	383.968
+ Tài sản ngắn hạn khác	118.706	142.813
2. Tài sản dài hạn	450.285	478.872
+ Tài sản cố định	314.141	319.846
+ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		34.000
+ Tài sản dài hạn khác	68.397	111.112
Tổng cộng tài sản :	4.366.695	5.434.272
3. Các chỉ tiêu đánh giá :		
Vòng quay tài sản	4,43	4,38
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	10,9%	7,56%

(Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán).

b) Tình hình nợ phải trả hợp nhất:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
	Nợ ngắn hạn	3.150.877	4.108.057
1.	Vay và nợ ngắn hạn	1.088.322	1.166.428
2.	Phải trả người bán	385.955	440.869
3.	Người mua trả tiền trước	2.751	3.474
4.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	52.467	86.560
5.	Phải trả người lao động	499.968	531.671
6.	Chi phí phải trả	145.762	325.986
7.	Các khoản phải trả phải nộp khác	947.208	1.529.790
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16.332	14.927
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.113	8.352
	Nợ dài hạn	7.222	667
10.	Vay và nợ dài hạn	7.145	-
11.	Phải trả dài hạn khác	77	667
12.	Dự phòng trợ cấp mất việc		
	Tổng cộng	3.158.098	4.108.724

(Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Tổng Công ty đã thực hiện cơ cấu lại các bộ phận trên cơ sở các bộ phận làm việc chuyên nghiệp, giảm bộ phận trung gian để làm nhỏ gọn bộ máy của Tổng Công ty. Tổ chức ban hành Nghị quyết của HĐQT về việc cơ cấu lại bộ máy phòng, ban, trung tâm trực thuộc Viettel Post và của công ty con.

Tổng Công ty thực hiện khoán triệt để đến từng người lao động để người làm nhiều được hưởng theo đúng sức lao động. Ngoài ra các chương trình chăm sóc đến tinh thần của CBCNV luôn được Ban Giám đốc Tổng Công ty quan tâm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tổng Công ty phấn đấu sẽ trở thành Công ty Logistics số 1 Việt Nam dựa trên nền tảng công nghệ cao.

1. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không.

Quản trị công ty

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tiến hành 22 cuộc họp/lấy ý kiến bằng văn bản để giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, thảo luận những vấn đề quan trọng liên quan đến chiến lược phát triển Tổng Công ty và triển khai thực hiện nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Hội đồng quản trị luôn chủ động, sâu sát chỉ đạo Ban Điều hành Tổng Công ty theo dõi mọi hoạt động có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và kinh doanh có hiệu quả.

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	10/NQ-HĐQT	25/02/2021	Thay đổi mô hình tổ chức của TCT	100%
2.	20/NQ-HĐQT	08/03/2021	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021	100%
3.	22, 23/NQ-HĐQT	12/03/2021	Thông qua kế hoạch SXKD năm 2021, kế hoạch đầu tư năm 2021	100%
4.	28/NQ-HĐQT	22/03/2021	Thông qua kế hoạch và chương trình giám sát tài chính	100%
5.	33/NQ-HĐQT	02/04/2021	Phê duyệt bộ tài liệu, hồ sơ, thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
6.	50/NQ-HĐQT	24/04/2021	Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024	100%
7.	64/NQ-HĐQT	20/05/2021	Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020	100%
8.	74/NQ-HĐQT	08/06/2021	Thông qua việc phân chia quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp	100%
9.	81/NQ-HĐQT	02/07/2021	Thông qua việc tăng vốn điều lệ và sửa Điều lệ	100%
10.	83/NQ-HĐQT	05/07/2021	Lựa chọn đơn vị kiểm toán	100%
11.	85/NQ-HĐQT	07/07/2021	Thông qua việc góp vốn thành lập công ty	100%

12.	95/NQ-HĐQT	16/07/2021	Quyết toán quỹ lương năm 2021	100%
13.	111/NQ-HĐQT	28/07/2021	Thông qua hợp đồng, giao dịch với Người có liên quan	100%
14.	115/NQ-HĐQT	10/08/2021	Thông qua báo cáo 6 tháng đầu năm	100%
15.	123/NQ-HĐQT	15/09/2021	Lựa chọn đơn vị tư vấn chuyển sà	100%
16.	137, 138/NQ-HĐQT	18/10/2021	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc	100%
17.	144/NQ-HĐQT	29/10/2021	Thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT	100%
18.	146/NQ-HĐQT	04/11/2021	Phân cấp thẩm quyền giữa HĐQT và Tổng Giám đốc về việc quản lý, điều hành Tổng Công ty	100%
19.	163/NQ-HĐQT	19/11/2021	Thông qua hợp đồng, giao dịch với Người có liên quan	100%
20.	175/NQ-HĐQT	24/11/2021	Thông qua chủ trương Công đoàn mua lại ESOP	100%
21.	190/NQ-HĐQT	10/12/2021	Giao đơn giá tiền lương ổn định từ năm 2021 trở đi	100%
22.	205/NQ-HĐQT	20/12/2021	Thay đổi mô hình tổ chức	100%

- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: HĐQT thành lập Văn phòng HĐQT năm 2019, đến nay Văn phòng HĐQT có các thành viên sau:

- **Bà Chu Kim Thoa: Chánh Văn phòng HĐQT.**

- **Ông Lê Công Phú – Thư ký HĐQT – Người được ủy quyền công bố thông tin.**

Trong năm 2021, Văn phòng HĐQT đã thực hiện tham mưu cho HĐQT trong công tác phê duyệt kế hoạch năm, tổ chức Đại hội đồng cổ đông, chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền và bằng cổ phiếu theo đúng quy định của pháp luật, công tác chuẩn bị chuyển sà giao dịch chứng khoán, thu hồi cổ phiếu ESOP của CBNV nghỉ việc và mở giao dịch cổ phiếu ESOP đối với CBCNV còn làm việc tại Viettel, công bố thông tin đến các cổ đông, giải quyết yêu cầu của cổ đông,... bám sát nghị quyết và phân công nhiệm vụ từ các thành viên HĐQT.

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và quy chế hoạt động của Tổng công ty, Ban Kiểm soát đã giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành trên các nội dung sau:

Giám sát việc tổ chức các phiên họp của HĐQT, việc ban hành và triển khai các nghị quyết của HĐQT, công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty đảm bảo quy định.

Giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội: 5/6 nội dung Nghị quyết của Đại hội năm 2021 đã được hoàn thành. Nội dung chuẩn bị các điều kiện để chuyển sành Hose đang tiếp tục hoàn thiện.

Công tác giám sát điều hành và cảnh báo rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh được triển khai trên các mảng nghiệp vụ chính: tài chính, đầu tư xây dựng, quản lý tài sản, quản lý bưu phẩm bưu chính... đảm bảo quy định, giảm thiểu rủi ro tổn thất tài sản. Ban Điều hành đã duy trì tốt công tác điều hành quyết liệt, kịp thời góp phần giảm thiểu các tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện dịch bệnh phức tạp kéo dài trên phạm vi toàn quốc.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

TT	Thành phần	Số tiền bình quân (đồng)/tháng	Thời gian đảm nhiệm vị trí	Tổng (đồng)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1.	Ông Nguyễn Thanh Nam - Chủ tịch HĐQT không chuyên trách (Bổ nhiệm ngày 24/04/2021)	10.000.000	8 tháng	80.000.000
2.	Ông Nguyễn Đình Chiến – Chủ tịch HĐQT không chuyên trách (Miễn nhiệm ngày 24/04/2021)	10.000.000	4 tháng	40.000.000
3.	Ông Trần Trung Hưng - Phó Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	7.000.000	12 tháng	84.000.000
4.	Ông Đinh Thanh Sơn – Thành viên HĐQT không chuyên trách	7.000.000	12 tháng	84.000.000
5.	Bà Nghiêm Phương Nhi – Thành viên HĐQT không chuyên trách	7.000.000	12 tháng	84.000.000
6.	Ông Đinh Như Tuynh – Thành viên HĐQT không chuyên trách	7.000.000	12 tháng	84.000.000
7.	Ông Nguyễn Việt Dũng – Thành viên HĐQT không chuyên trách	7.000.000	12 tháng	84.000.000
8.	Ông Nguyễn Đắc Luân – Thành viên HĐQT chuyên trách	Trả lương theo Quy chế lương của Viettel Post	12 tháng	
	TỔNG (Không bao gồm lương của thành viên chuyên trách)			540.000.000
BAN KIỂM SOÁT				
1.	Ông Nguyễn Ngọc Anh - Trưởng Ban	Là thành viên chuyên trách vì vậy thực hiện chi trả lương theo Quy chế lương của Tổng Công ty	12 tháng	
2.	Bà Lê Thị Thanh Thoảng – Thành viên		12 tháng	
3.	Bà Nguyễn Thị Thanh – Thành viên		12 tháng	

Giao dịch với Người có liên quan

1. Giao dịch giữa công ty với người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ:

(Phụ lục 01 kèm theo)

2. Giao dịch giữa công ty con, các công ty mà Viettel Post nắm quyền kiểm soát với người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ: (Phụ lục 02 kèm theo)

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan (Phụ lục 03 kèm theo)

Quan hệ cổ đông

Hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư tại Viettel Post luôn được HĐQT và Ban Điều hành quan tâm đặc biệt. Với quan điểm, công khai tối đa các vấn đề mà cổ đông quan tâm, tuân thủ quy định của pháp luật và lợi ích của các cổ đông một cách minh bạch, bình đẳng.

Trong năm 2021, công tác quan hệ cổ đông có một số vấn đề nội bật như:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền và bằng cổ phiếu theo đúng quy định của pháp luật về thời gian và thủ tục chi trả.
- Tổ chức công tác công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức các buổi gặp gỡ cổ đông, nhà đầu tư và giải đáp các câu hỏi qua email.
- Hỗ trợ cấp Giấy Chứng nhận cổ phần đối với cổ đông chưa lưu ký và hướng dẫn cổ đông việc lưu ký chứng khoán với hơn 1300 lượt tương tác.

Thông tin liên lạc của Bộ phận quan hệ cổ đông:

Văn phòng HĐQT, Tòa N2, Km2 đại lộ Thăng Long, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội;

Email: hoidongquantri@viettelpost.com.vn hoặc phulc2@viettel.com.vn

Tel: **0962.683.130** (ông Lê Công Phú – Thư ký Hội đồng quản trị)

Website: <https://viettelpost.com.vn/quan-he-co-dong/>

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2021: 103.558.492 cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000đ/cổ phần.
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 103.512.420 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo chương trình ESOP 2019: 46.072 cổ phần.

2. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 31/12/2021 như sau:

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% tổng số CP) - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân Đội	1	62.978.918	60,81%
2. Cổ đông nhỏ (sở hữu nhỏ hơn 5% tổng số CP)	6032	40.579.574	39,19%
3. Tổng (1+2)	6033	103.558.492	100%
4. Loại hình cổ đông - Cổ đông tổ chức - Cổ đông cá nhân	97 5936	88.920.693 14.637.799	85,87% 14,13%
5. Quốc tịch của cổ đông - Cổ đông trong nước - Cổ đông nước ngoài	5549 484	81.636.412 21.922.080	78,83% 21,17%

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2021, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Viettel Post đã thực hiện 01 lần tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau: Tăng vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: Thực hiện tăng vốn từ 830.479.260.000 đồng lên 1.035.584.920.000 đồng, hoàn thành ngày 05/08/2021.

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5. Các chứng khoán khác: Không có

BÁO CÁO BỀN VỮNG

I. MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính, quá trình vận hành của Viettel Post đã có những tác động đến môi trường. Tuy nhiên, chúng tôi hiểu rằng việc giám sát quá trình sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, ứng dụng công nghệ để giảm thiểu tác động đến môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu là vô cùng cần thiết nhằm giúp xanh hóa hoạt động kinh doanh, bảo vệ môi trường.

Nhận thức được những tác động từ biến đổi khí hậu và hoạt động của con người đối với môi trường, Viettel Post đã tăng cường truyền thông nội bộ nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ nhân viên thông qua việc tiết kiệm năng lượng tiêu thụ tại các cơ quan, đơn vị thông qua những hành động nhỏ nhất của từng cá nhân:

- Tắt máy tính và các thiết bị điện khi không cần thiết, được quy định trong văn bản về lễ tiết, tác phong và cách ứng xử tại Viettel Post.

- Ban hành quy định hướng dẫn về việc sử dụng các loại bao bì, thùng, hộp trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó:

- Không sử dụng: bao bì nilon, nhựa dùng một lần đối với mục đích đóng gói, bảo quản hàng hóa.
- Hạn chế sử dụng: Mỗi kiện hàng chỉ sử dụng tối đa 1 lần quấn băng dính, đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển. Chỉ sử dụng tối đa 1 thùng hộp/bao bì cho 1 bưu phẩm.
- Khuyến khích sử dụng: các sản phẩm có nguồn gốc hữu cơ, bao bì giấy, túi vải sử dụng nhiều lần, túi làm từ bột ngô, bao tải dùng nhiều lần, túi tự phân hủy, phân hủy sinh học.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua 5S tại môi trường làm việc. Triển khai 5S định kỳ sẽ nâng cao tinh thần tập thể, có trách nhiệm và ý thức với môi trường và công việc:

- **Sạch sẽ:** Vệ sinh môi trường không còn rác và bụi bẩn
- **Sàng lọc:** Sàng lọc vật dụng không cần thiết, loại bỏ hoặc tái chế
- **Sắp xếp:** Sắp xếp đồ dùng ngăn nắp, tiện lợi khi sử dụng
- **Sẵn sóc:** Luôn sẵn sóc, giữ gìn môi trường xung quanh
- **Sẵn sàng:** Tạo thói quen tự giác tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại nơi làm việc

Thực hiện số hóa hệ thống văn bản: Viettel Post đã ứng dụng Công nghệ thông tin để quản lý, kiểm soát công việc. Cụ thể là phần mềm quản lý, điều hành điện tử Voffice được phát triển bởi chính người Viettel.

Sở hữu một số lượng xe tải tương đối lớn, Viettel Post đã chủ động sử dụng xăng sinh học giảm phát thải cho các đầu xe tải các loại của mình từ 2018. Việc sử dụng xăng sinh học sẽ giảm lượng khí thải CO2.

Về không gian làm việc, các phòng làm việc tại Viettel Post đều có khả năng mở cửa sổ kính hợp lý kết hợp các hình thức che nắng để vừa được thông thoáng, chiếu sáng tự nhiên và hạn chế nóng khi cần, hạn chế được ảnh hưởng của bức xạ mặt trời, vừa chống mất nhiệt khi có điều hòa không khí.

II. CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Viettel Post luôn đề cao những giá trị do người lao động tạo ra. Chúng tôi chú trọng công tác xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, trình độ chuyên môn cao với 4 phẩm chất “Thân thiện, trung thực, nhanh, thông minh”. Các chính sách đãi ngộ, các ưu đãi phúc lợi cùng với lộ trình thăng tiến rõ ràng đã giúp Viettel Post hội tụ đội ngũ cán bộ nhân viên tinh nhuệ, thấm nhuần tư tưởng “Thích ứng nhanh là sức mạnh cạnh tranh” để sẵn sàng cho công cuộc chuyển đổi số.

Ngoài sử dụng nguồn lực lõi (lao động lõi - thực hiện các công việc đòi hỏi chuyên môn nghiệp vụ và tập trung kỹ năng bán hàng), chúng tôi hợp tác với doanh nghiệp cung ứng dịch vụ và lao động tự do trong nền kinh tế thời vụ (đối tác Mygo) để thực hiện các công việc giản đơn nhằm tối ưu chi phí nhân công, tạo tính cạnh tranh về nguồn lực trên thị trường.

Tính đến hết năm 2021, chúng tôi có 15.866 CBNV là lực lượng lao động lõi, hơn 7500 nhân sự của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ, đã tạo ra mạng lưới nhân sự đông đảo, sẵn sàng phục vụ khách hàng đến tận vùng sâu vùng xa của đất nước. Viettel Post đã và đang tạo ra những giá trị to lớn, không chỉ đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp mà là giá trị về mặt xã hội cho chính cộng đồng, hướng tới sự phát triển bền vững.

Trong năm 2021, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh tuy nhiên Viettel Post luôn đảm bảo tối đa lương, thu nhập cho CBNV.

Với chúng tôi, lực lượng lao động của đối tác và lực lượng lao động xã hội là những người cộng sự trên nguyên tắc: Hợp tác, chia sẻ, tôn trọng và thân thiện.

STT	Nguồn lực	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
I	Nguồn lực lõi (bình quân năm - Toàn Tổng Công ty)						
1	Theo giới tính	12,579		15,134		15,866	
	Nam	7,759	61.7%	8,882	58.7%	9,530	60%
	Nữ	4,820	38.3%	6,252	41.3%	6,336	40%
2	Theo loại Hợp đồng	12,579		15,134		15,866	
	Không xác định thời hạn	4,003	31.8%	5,041	33.3%	10,753	67.8%
	Xác định thời hạn 1-3 năm	8,576	68.2%	10,093	66.7%	5,113	32.2%
	Hợp đồng thời vụ, ngắn hạn	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%
3	Theo khối	12,579		15,134		15,866	
	Khối hỗ trợ	2,552	20.3%	1,759	11.6%	2,564	16.2%
	Khối trực tiếp	10,027	79.7%	13,375	88.4%	13,302	83.8%
4	Theo trình độ	12,579		15,134		15,866	
	Trên đại học	49	0.4%	112	0.7%	180	1.1%
	Đại học	5,273	41.9%	7,022	46.4%	7,813	49.2%
	Cao đẳng, trung cấp	6,340	50.4%	7,020	46.4%	5,727	36.1%
	Công nhân kỹ thuật	228	1.8%	211	1.4%	1,497	9.4%
	Dược tá	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%
	Trung học phổ thông	689	5.5%	769	5.1%	649	4.1%
5	Theo độ tuổi	12,579		15,134		15,866	
	Dưới 30 tuổi	5,774	45.9%	7,733	51.1%	5,153	32.5%
	30-50 tuổi	6,752	53.7%	7,353	48.6%	10,628	67.0%
	Trên 50 tuổi	53	0.4%	48	0.3%	85	0.5%
II	Nguồn lực qua đối tác tính đến 31/12	7,000		5,252		7,544	

Nguồn lực tham gia vào hoạt động SXKD trong năm được lên kế hoạch từ quý 4 của năm trước và phân bổ theo tháng nhằm chủ động trong công tác tuyển dụng, đảm bảo số lượng – chất lượng nhân sự theo tiêu chuẩn nhân sự đã đặt ra. Thông tin tuyển dụng được đăng tải chính thức trên website của Tổng công ty, kênh tuyển dụng của Tập đoàn Viettel và các trang tuyển dụng lớn. Chúng tôi ứng xử trong công tác tuyển dụng theo nguyên tắc Công khai – minh bạch và bình đẳng

Viettel Post hướng đến những quyền lợi cao hơn luật lao động quy định: Cam kết mức thu nhập cao hơn thị trường, nằm trong top đầu của ngành chuyển phát.

ĐÃI NGỘ TÀI CHÍNH:

- Đối với CBNV: khoản bổ sung quý/năm; các khoản quà ngày lễ tết của dân tộc và ngày kỷ niệm của Tổng Công ty, Tập đoàn); hỗ trợ cá nhân có hoàn cảnh khó khăn (Cá nhân/cha/mẹ mắc bệnh hiểm nghèo, hiểm muộn....), chúc mừng/thăm hỏi cưới xin, ốm đau...., cá nhân được hỗ trợ mua bảo hiểm kết hợp con người

- Đối với gia đình CBCNV: Tri ân gia đình CBNV vào dịp lễ tết (bằng tiền và hiện vật), tổ chức các buổi gắn kết có sự tham gia của gia đình CBNV vào dịp cuối năm, thăm hỏi người thân khi ốm đau/mắc bệnh hiểm nghèo....

Đãi ngộ phi tài chính: hướng đến người lao động hạnh phúc

- Tôn trọng và ghi nhận ý kiến, ý tưởng sáng tạo
- CBNV được truyền thông về lộ trình thăng tiến
- Luôn tạo ra tính mới trong công việc
- Hỗ trợ và thúc đẩy mối quan hệ đồng nghiệp cởi mở, chân thành
- Mục tiêu cuối cùng Viettelpost muốn hướng đến đó chính là “Người Viettel Post hạnh phúc”

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2021

Năm 2021, Viettel Post đã kiên cường vượt qua những làn sóng dịch Covid 19. Dù gặp nhiều khó khăn nhưng công tác đào tạo không vì vậy mà bị gián đoạn. Thích nghi với trạng thái bình thường mới, người lao động đã không còn xa lạ với các buổi đào tạo qua Zoom, Google Meet, chủ động đăng nhập các hệ thống đào tạo online như By day Learning để học tập và củng cố kiến thức, nâng cao năng lực bản thân.

Bắt kịp với sự thay đổi mô hình của Tổng Công ty, phòng TCLĐ đã xây dựng cây mô hình đào tạo theo lộ trình từ thấp lên cao. Với lộ trình đào tạo này, đảm bảo các CBNV đều được đào tạo toàn diện, đáp ứng trình độ và năng lực theo chức danh đảm nhiệm. Góp phần hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.

Ứng dụng công nghệ 4.0 vào công tác đào tạo. Phòng TCLĐ đã số hóa 100% quy trình, quy định, các nội dung giảng dạy đều được thực hiện online. CBNV có thể chủ động lựa chọn đăng ký môn học, lớp học phù hợp với trình độ và khả năng. Hơn thế nữa, các bài giảng số giúp cho CBNV có thể chủ động học bất kỳ thời gian nào, ở bất kỳ nơi đâu. Nhờ vậy, dù ở khu cách ly hay đang giãn cách xã hội, công tác đào tạo vẫn không hề gián đoạn.

Đặc biệt, năm 2021, phòng TCLĐ đã đẩy mạnh công tác học tập mỗi ngày một bài học qua ứng dụng By day Learning tới 100% CBNV Tổng Công ty. Viettel Post không chỉ là đơn vị có tỷ lệ học viên tham gia học tập lớn nhất Tập đoàn mà còn đóng góp rất nhiều vào kho bài giảng By day Learning. Cách thức chúng tôi triển khai đã được Học viện Viettel đánh giá cao và đưa làm hình mẫu cho các đơn vị khác học tập.

Thường xuyên cập nhật các bài giảng mới, có tính thời sự tại Tổng Công ty. Các nội dung đào tạo được chuyển hóa từ văn bản sang hình ảnh, giúp CBNV dễ theo dõi và nắm bắt các nội dung chính. Nhờ vậy 100% CBNV luôn được tiếp nhận những quy trình, quy định mới một cách nhanh chóng, đơn giản và dễ hiểu nhất.

Nhằm tìm kiếm các nhân tố mới trong công tác đào tạo nội bộ, phòng TCLĐ đã tổ chức thành công cuộc thi “Người thầy tài năng”. Các CBNV được thử nghiệm các bước xây dựng bài giảng online, cho lên sóng nhiều video bài giảng hay, hấp dẫn, thực tế. Các bài giảng tốt đã được đưa lên hệ thống By day Learning để 100% CBNV tập đoàn có thể theo dõi.

- Ngân sách dành cho đào tạo năm 2021: 3 tỷ đồng
 - Tổng số giờ đào tạo: Tối thiểu 48 giờ/người/năm
 - 100% CBNV được đào tạo với theo các chương trình khác nhau phân theo vị trí công việc
- Sở hữu một số lượng xe tải tương đối lớn, Viettel Post đã chủ động sử dụng xăng sinh học giảm phát thải cho các đầu xe tải các loại của mình từ 2018. Việc sử dụng xăng sinh học sẽ giảm lượng khí thải CO2.

Về không gian làm việc, các phòng làm việc tại Viettel Post đều có khả năng mở cửa sổ kính hợp lý kết hợp các hình thức che nắng để vừa được thông thoáng, chiếu sáng tự nhiên và hạn chế nóng khi cần, hạn chế được ảnh hưởng của bức xạ mặt trời, vừa chống mất nhiệt khi có điều hòa không khí.



1. PLATFORM ĐÀO TẠO TẠI VIETTEL POST:

Một nhân viên làm việc tại Viettel Post sẽ trải qua 5 học phần đào tạo từ tổng quan đến cách thức đo lường hiệu quả đào tạo.

• Phần 1: Tổng quan về Viettel Post

- Bài 1: Văn hóa Viettel, Viettel Post
- Bài 2: Mô hình tổ chức
- Bài 3: Người chiến sĩ bưu chính Viettel chuyên nghiệp
- Bài 4: Quy định lễ tiết – tác phong.

• Phần 2: Nghiệp vụ

- Bài 1: Sản phẩm dịch vụ
- Bài 2: Quy trình – Quy định
- Bài 3: Phát triển kinh doanh
- Bài 4: Công việc từng chức danh

• Phần 3: Kỹ năng mềm

- Bài 1: Kỹ năng bán hàng
- Bài 2: Kỹ năng giao tiếp
- Bài 3: Kỹ năng xử lý từ chối
- Bài 4: Kỹ năng thuyết phục khách hàng

• Phần 4: Xây dựng ngành dọc Đào tạo

- Bài 1: Phát hiện nhân tố đào tạo
- Bài 2: Hướng dẫn các kỹ năng thực hiện đào tạo tại Viettel Post
- Bài 3: Công thức tổ chức lớp học

• Phần 5: KPI giám sát, đo lường hiệu quả đào tạo

- Bài 1: Quy trình đào tạo NV mới/tái đào tạo/nguồn cán bộ
- Bài 2: Quy trình tổ chức và kiểm soát chất lượng khóa đào tạo
- Bài 3: Quy chế đào tạo và học tập

CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIÊU BIỂU:

Trước diễn biến tình hình dịch bệnh Covid, Phòng TCLĐ đã giảm tải các khóa đào tạo tập trung, thay vào đó, phòng tập trung vào các khóa đào tạo Online trên hệ thống Elearning và thực hiện đào tạo qua Cầu truyền hình, Zoom, Google Meet...

Khóa đào tạo tập trung (Offline):

Nguồn Trưởng Bưu cục

Khóa đào tạo Online trên hệ thống Elearning

- Trưởng Bưu cục/Trưởng sub HUB toàn quốc
- Nhân viên mới, nhân viên kinh doanh mới
- Kỹ năng dành cho NVKD
- Nghiệp vụ Epass
- Trưởng bưu cục số
- Quảng cáo số
- Kinh doanh Marketing đầu nhận
- Nghiệp vụ Logistics cơ bản
- Thể thức trình bày văn bản - Cách viết Email - Sử dụng CTH
- Phòng/chống dịch Covid tại Viettel Post

Khóa đào tạo qua Cầu truyền hình/Zoom/GoogleMeet:

- Cơ chế, chính sách Tổng Công ty
- Bảng giá giao nhận
- Kỹ năng Livestream bán hàng dành cho CBNV tại chi nhánh
- Nghiệp vụ vận tải và ATGT
- Huấn luyện ATLĐ năm 2021
- Tiêu chuẩn ISO ISO/IEC 27001:2013
- Triển khai sử dụng phần mềm 1Office cho Tổng Công ty
- Đào tạo nghiệp vụ viễn thông và bán hàng B2B dành cho GĐCN
- Đào tạo Quy trình xử lý nợ chiếm dụng, nợ khó đòi tại Tổng Công ty
- Đào tạo quy trình thu hộ COD qua tài khoản e-VTP thí điểm tại CN Hà Nội

Khóa đào tạo tại Chi nhánh

Hàng tháng, căn cứ theo kế hoạch định hướng từ Phòng TCLĐ và tình hình thực tế tại Chi nhánh, Ban GĐCN và Ngành dọc TCLĐ trực tiếp đào tạo Nghiệp vụ - Quy trình – Quy định cho CBNV.

IV. HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Tiếp nối hoạt động xã hội năm 2020, năm 2021, Viettel Post tiếp tục thực hiện tốt công tác xã hội trong bối cảnh dịch bệnh Covid – 19 bùng phát trên toàn quốc. Với 1 số chương trình như: Phối hợp với Bộ TTTT với tấm lòng mùa dịch San sẻ yêu thương đã phát được 167.000 suất quà 50 tỷ đến người dân HCM, đảm bảo 100% kế hoạch Tập đoàn. Chương trình Đơn hàng thiết yếu không đồng: Thực hiện vận chuyển, tặng nhu yếu phẩm cho các hộ yếu thế trên 05 Tỉnh/TP (HCM; BDG; ĐNI; LAN; TNH) với số tiền trên 03 tỷ đồng.

Triển khai các chương trình trách nhiệm xã hội. “Trạm hạnh phúc- Chạm yêu thương”: nhận và phát được 1.019 tấn hàng tương đương với 162.350 suất quà, giá trị 30,7 tỷ đồng cho những người dân yếu thế trong mùa dịch. Cung ứng hàng hóa thiết yếu: Tiêu thụ được 1,3 nghìn tấn rau củ các loại.

Vận chuyển miễn phí 135 tấn hàng (2 tỷ đồng) từ các nhà thiện nguyện đến các tỉnh vùng dịch. Trong thời gian triển khai chương trình hỗ trợ giúp dân, nhiều Chi nhánh đã được các Bộ, ban ngành khen thưởng như Chi nhánh Bắc Giang, Ninh Bình, Nghệ An, Hồ Chí Minh, Bình Dương, Vũng Tàu...



PHỤ LỤC 01:

Giao dịch giữa công ty với người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ:

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1.	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) và những người có liên quan	Cổ đông lớn, Người có liên quan của Chủ tịch và Thành viên HĐQT	- Tập đoàn Viettel - 0100109106 do Sở KHĐT Hà Nội, cấp đăng ký lần đầu 13/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 15/12/2020 - Lô D26 KĐT M Cầu Giấy, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. - Người có liên quan là những tổ chức có số thứ tự từ 24 đến 49 tại Phụ lục 01.	Quý 3/2021	111/NQ-HĐQT ngày 28/07/2021	Thông qua hợp đồng với Tập đoàn Viettel và những người có liên quan, có giá trị mỗi hợp đồng nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đối với các lĩnh vực: Chuyển phát, vận tải, fulfillment, logistics, CNTT, TMDV, dịch vụ tài chính, kinh doanh bất động sản.
2.	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Quân đội	Người có liên quan của Thành viên HĐQT Đinh Như Tuynh (ông Đinh Như Tuynh là Thành viên HĐQT của Bảo hiểm Quân đội)	Số 43/GP-KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 08/10/2007 Tầng 5-6, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	Quý 3/2021	111/NQ-HĐQT ngày 28/07/2021	Thông qua hợp đồng với Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội, có giá trị mỗi hợp đồng nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đối với các lĩnh vực: Chuyển phát, bưu chính, vận tải, kinh doanh bất động sản, bảo hiểm
3.	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) và những người có liên quan	Cổ đông lớn, Người có liên quan của Chủ tịch và Thành viên HĐQT	- Tập đoàn Viettel - 0100109106 do Sở KHĐT Hà Nội, cấp đăng ký lần đầu 13/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 15/12/2020 - Lô D26 KĐT M Cầu Giấy, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. - Người có liên quan là những tổ chức có số thứ tự từ 24 đến 49 tại Phụ lục 01.	Quý 4/2021	163/NQ-HĐQT ngày 19/11/2021	Thông qua hợp đồng với Tập đoàn Viettel và những người có liên quan, có giá trị mỗi hợp đồng nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đối với các lĩnh vực: Chuyển phát, vận tải, fulfillment, logistics, CNTT, TMDV, dịch vụ tài chính, kinh doanh bất động sản.
4.	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Quân đội	Người có liên quan của Thành viên HĐQT Đinh Như Tuynh (ông Đinh Như Tuynh là Thành viên HĐQT của Bảo hiểm Quân đội)	Số 43/GP-KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 08/10/2007 Tầng 5-6, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	Quý 4/2021	163/NQ-HĐQT ngày 19/11/2021	Thông qua hợp đồng với Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội, có giá trị mỗi hợp đồng nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đối với các lĩnh vực: Chuyển phát, bưu chính, vận tải, kinh doanh bất động sản, bảo hiểm

PHỤ LỤC 02:**Giao dịch giữa công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát với người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ:**

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1.	Tổng công ty dịch vụ số Viettel – Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0100109106-478 do Sở KHĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/06/2019	Số 1 phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Công ty TNHH MTV Thương mại điện tử Bưu chính Viettel	10/01/2021	Kết nối cổng thanh toán Viettel Pay trên Voso
2.	Tổng công ty viễn thông Viettel – Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0100109106-011 do Sở KHĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/07/2005	Số 1 phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Công ty TNHH MTV Thương mại điện tử Bưu chính Viettel	15/05/2021	Sử dụng dịch vụ quảng cáo, 20.000.000 đồng
3.	Tổng công ty viễn thông Viettel – Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0100109106-011 do Sở KHĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/07/2005	Số 1 phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Công ty TNHH MTV Thương mại điện tử Bưu chính Viettel	20/08/2021	Công ty TMĐT bán hàng hóa, voucher, giá trị giao dịch 698.871.508 đồng
4.	Công ty TNHH Viettel - CHT	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0500589150 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp	Khu TT, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29, Đại lộ Thăng Long, Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội	Công ty TNHH MTV Thương mại điện tử Bưu chính Viettel	25/08/2021	Công ty TMĐT bán hàng hóa nông sản, giá trị giao dịch 60.179.549 đồng.
5.	Công ty TNHH MTV Thông tin M3	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0500239036 Sở KHĐT Hà Nội cấp	Mỹ Chung, Phường Xuân Khanh, Thị Xã Sơn Tây, Hà Nội	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	01/02/2021	Vận chuyển hàng thiết bị Viễn thông từ Xuân Khanh - Callao, Peru – 657.710.838 đồng
6.	Công ty TNHH MTV Thông tin M3	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0500239036 Sở KHĐT Hà Nội cấp	Mỹ Chung, Phường Xuân Khanh, Thị Xã Sơn Tây, Hà Nội	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	01/03/2021	Vận chuyển hàng thiết bị Viễn thông từ Xuân Khanh, Hà Nội - Callao, Peru và Xuân Khanh, Hà Nội - Port Au Prince, Haiti - 842.360.555 đồng
7.	Công ty TNHH MTV Thông tin M3	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0500239036 Sở KHĐT Hà Nội cấp	Mỹ Chung, Phường Xuân Khanh, Thị Xã Sơn Tây, Hà Nội	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	01/03/2021	Vận chuyển hàng thiết bị Viễn thông từ Xuân Khanh, Hà Nội - Vientiane, Lào – 90.956.898 đồng
8.	Công ty TNHH MTV Thông tin M3	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0500239036 Sở KHĐT Hà Nội cấp	Mỹ Chung, Phường Xuân Khanh, Thị Xã Sơn Tây, Hà Nội	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	04/05/2021	Vận chuyển hàng thiết bị Viễn thông từ Xuân Khanh, Hà Nội - Vientiane, Lào – 29.607.974 đồng
9.	Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0104831030 KHĐT Hà Nội cấp	Số 01, phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	01/01/2021	Vận chuyển quốc tế Shanghai-Yangon, Myanmar – 133.055.000 đồng
10.	Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0104831030 KHĐT Hà Nội cấp	Số 01, phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	19/02/2021	Vận chuyển quốc tế Shanghai-Yangon, Myanmar - 157.412.000 đồng
11.	Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0104831030 KHĐT Hà Nội cấp	Số 01, phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	26/02/2021	Vận chuyển quốc tế Shenzhen – Maputo - 119.828.000 đồng
12.	Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0104831030 KHĐT Hà Nội cấp	Số 01, phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	01/03/2021	Vận chuyển quốc tế Ningbo, China - Campuchia - 74.556.000 đồng
13.	Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0104831030 KHĐT Hà Nội cấp	Số 01, phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	01/04/2021	Vận chuyển Hải Phòng – Vientiane, Lào – 119.828.000 đồng
14.	Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0104831030 KHĐT Hà Nội cấp	Số 01, phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	01/05/2021	Vận chuyển Hải Phòng – Vientiane, Lào – 203.944.840 đồng
15.	Công ty TNHH Viettel - CHT	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0500589150 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp	Khu TT, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29, Đại lộ Thăng Long, Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	01/01/2021	Vận chuyển quốc tế Hà Nội – Haiti – 230.079.082 đồng
16.	Công ty Viettel Peru	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 433 do Bộ KHĐT Việt Nam cấp	Thành phố Lima, tỉnh Lima, Cộng Hòa Peru	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	01/02/2021	Vận chuyển thiết bị Viễn thông từ Việt Nam - Peru – 338.457.692 đồng
17.	Công ty Viettel Peru	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 433 do Bộ KHĐT Việt Nam cấp	Thành phố Lima, tỉnh Lima, Cộng Hòa Peru	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	01/04/2021	Vận chuyển 03 cont thiết bị viễn thông từ Shanghai - Lima, Peru – 545.085.190 đồng
18.	Công ty Viettel Timor Leste, LDA	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 556/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 04/06/2011	CBD Plaza II Rua Presidente, Nicolau Lobato, Côm, Đông Timor	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	17/04/2021	Vận chuyển và mua bán hàng nhu yếu phẩm từ Việt Nam - Timor – 286.462.000 đồng
19.	Công ty TNHH Một Thành Viên Thông Tin M3	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0500239036 Sở KHĐT Hà Nội cấp	Mỹ Chung, Phường Xuân Khanh, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	01/06/2021	Vận chuyển hàng hóa - 1.312.008.087 đồng
20.	Viện hàng không vũ trụ Viettel - CN Tập đoàn viễn thông Quân đội	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0100109106-473 do Sở KHĐT Hà Nội cấp	Số 1 Trần Hữu Dục, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	01/08/2021	Vận chuyển hàng hóa - 4.706.157.679 đồng
21.	Công ty TNHH NN MTV Thương Mại và Xuất Nhập khẩu Viettel	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0104831030 KHĐT Hà Nội cấp	Số 01, phố Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	01/05/2021	Vận chuyển hàng hóa - 5.197.312.468 đồng
22.	TCTy Công nghiệp Công nghệ cao Viettel - CN Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân Đội	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0100109106-477 do Sở KHĐT Hà Nội cấp	Số 380 Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	01/09/2021	Vận chuyển hàng hóa - 314.922.217 đồng
23.	Tổng Công ty Viễn thông Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0100109106-011 do Sở KHĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/07/2005	Số 1 phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	24/09/2021	Vận chuyển hàng hóa - 593.846.000 đồng
24.	Nhà máy in Viettel - Chi nhánh Công ty TNHH NN MTV thương mại và xuất nhập khẩu Viettel	Người liên quan	Chủ tịch HĐQT	0104831030 KHĐT Hà Nội cấp	Số 01, phố Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	01/08/2021	Vận chuyển hàng hóa - 93.245.900 đồng

PHỤ LỤC 03:

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1.	Nguyễn Thanh Nam	Người nội bộ	25.628	0,031%	31.958	0,031%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2.	Trần Trung Hưng	Người nội bộ	295.239	0,36%	316.493	0,300%	Bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3.	Nguyễn Việt Dũng	Người nội bộ	65	0,000%	0	0,000%	Bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4.	Đình Thanh Sơn	Người nội bộ	32.377	0,039%	19.822	0,019%	Mua, bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5.	Nguyễn Đắc Luân	Người nội bộ	74.535	0,090%	13.312	0,012%	Bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
6.	Nguyễn Ngọc Anh	Người nội bộ	9.466	0,011%	4.304	0,004%	Bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
7.	Lê Thị Thanh Thoảng	Người nội bộ	1.461	0,002%	549	0,0005%	Bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
8.	Nguyễn Thị Thanh	Người nội bộ	1.199	0,001%	895	0,0008%	Bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
9.	Phạm Văn Tuyên	Người nội bộ	24.091	0,029%	16.760	0,016%	Mua, bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
10.	Nguyễn Hoàng Long	Người nội bộ	22.407	0,027%	10.932	0,010%	Mua, bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
11.	Lê Tuấn Anh	Người nội bộ	12.599	0,015%	12	0	Mua, bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
12.	Lê Công Phú	Người nội bộ	998	0,001%	0	0	Mua, bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
13.	Đình Tiến Dũng	Người liên quan của Người nội bộ Đình Thanh Sơn	0	0%	60	0%	Mua, bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
14.	Phạm Thị Thoa	Người liên quan của Người nội bộ Nguyễn Đắc Luân	19	0%	0	0%	Bán, nhận cổ tức bằng cổ phiếu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc làm và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2021

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

3. Chi tiết báo cáo tài chính hợp nhất và công ty mẹ đã được công bố tại website viettelpost.com.vn.

Đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TRUNG HƯNG

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 42
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH Nhà nước MTV Bưu chính Viettel trực thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội) sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 123/QĐ-BQP ngày 14/01/2009 của Bộ Quốc phòng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104093672 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 07 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 05 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 1, phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Nam	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 24/04/2021)
Ông Nguyễn Đình Chiến	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 24/04/2021)
Ông Trần Trung Hưng	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đắc Luân	Thành viên	
Bà Nghiêm Phương Nhi	Thành viên	
Ông Đinh Như Tuynh	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	
Ông Đinh Thanh Sơn	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Trung Hưng	Tổng giám đốc
Ông Đinh Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thanh Thảo	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

(ĐÃ KÝ)

Trần Trung Hưng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Số: 280322.014/BCTC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel được lập ngày 28 tháng 03 năm 2021, từ trang 5 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

(ĐÃ KÝ)

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Phạm Ngọc Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4999-2019-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.955.399.467.388	3.916.410.248.956
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	336.985.099.761	316.966.083.254
111	1. Tiền		310.985.099.761	275.966.083.254
112	2. Các khoản tương đương tiền		26.000.000.000	41.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.902.277.009.826	1.572.305.737.355
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.902.277.009.826	1.572.305.737.355
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.189.356.621.047	1.302.401.881.872
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.418.841.969.913	820.899.526.905
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	46.257.631.097	33.040.063.647
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	739.058.716.233	459.506.840.148
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(14.801.696.196)	(11.808.827.282)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	764.278.454
140	IV. Hàng tồn kho	9	383.967.521.542	606.030.160.186
141	1. Hàng tồn kho		383.967.521.542	606.030.160.186
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		142.813.215.212	118.706.386.289
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	137.348.919.414	117.195.064.208
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.680.350.460	1.003.495.745
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.783.945.338	507.826.336
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		478.872.485.765	450.285.282.724
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.717.237.619	5.319.884.639
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	4.717.237.619	5.319.884.639
220	II. Tài sản cố định		319.846.200.346	314.140.867.567
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	279.230.960.001	279.672.967.679
222	- Nguyên giá		624.384.715.250	542.942.609.400
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(345.153.755.249)	(263.269.641.721)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	40.615.240.345	34.467.899.888
228	- Nguyên giá		58.574.050.348	47.711.255.318
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.958.810.003)	(13.243.355.430)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		9.196.929.054	62.427.891.713
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	9.196.929.054	62.427.891.713
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	34.000.000.000	-
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		34.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		111.112.118.746	68.396.638.805
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	111.112.118.746	68.396.638.805
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.434.271.953.153	4.366.695.531.680

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.108.723.894.933	3.158.098.258.457
310	I. Nợ ngắn hạn		4.108.056.894.933	3.150.876.713.434
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	440.869.168.411	385.954.963.688
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.473.626.641	2.750.799.901
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	86.560.627.826	52.466.708.599
314	4. Phải trả người lao động		531.671.152.575	499.967.504.492
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	325.985.924.969	145.762.285.576
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		14.926.874.525	16.332.191.940
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.529.790.172.917	947.207.615.106
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	1.166.427.633.425	1.088.321.871.103
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.351.713.644	12.112.773.029
330	II. Nợ dài hạn		667.000.000	7.221.545.023
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	667.000.000	77.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	-	7.144.545.023
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.325.548.058.220	1.208.597.273.223
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.325.548.058.220	1.208.597.273.223
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.035.584.920.000	830.479.260.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>1.035.584.920.000</i>	<i>830.479.260.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		22.037.447.940	22.037.447.940
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(3.295.631.397)	1.551.888.493
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		4.920.203.786	4.920.203.786
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		266.301.117.891	349.608.473.004
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>11.379.050.677</i>	<i>12.452.573.175</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>254.922.067.214</i>	<i>337.155.899.829</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.434.271.953.153	4.366.695.531.680

(ĐÃ KÝ)

Đào Thị Phương Lan
Người lập biểu

(ĐÃ KÝ)

Lê Tuấn Anh
Kế toán trưởng

(ĐÃ KÝ)

Trần Trung Hưng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	21.452.031.608.957	17.234.281.758.916
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.452.031.608.957	17.234.281.758.916
11	4. Giá vốn hàng bán	22	20.852.086.579.198	16.535.690.235.492
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		599.945.029.759	698.591.523.424
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	93.870.622.684	98.863.320.080
22	7. Chi phí tài chính	24	47.808.039.166	54.192.648.569
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		47.613.594.964	54.005.233.537
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	25	38.736.730.901	21.510.589.388
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	242.303.104.294	247.965.427.401
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		364.967.778.082	473.786.178.146
31	12. Thu nhập khác	27	9.062.807.849	9.027.112.747
32	13. Chi phí khác	28	3.430.761.594	2.632.304.027
40	14. Lợi nhuận khác		5.632.046.255	6.394.808.720
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		370.599.824.337	480.180.986.866
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	74.706.810.012	96.873.847.080
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>295.893.014.325</u>	<u>383.307.139.786</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		295.893.014.325	383.307.139.786
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.462	4.060

(ĐÃ KÝ)

(ĐÃ KÝ)

(ĐÃ KÝ)

Đào Thị Phương Lan
Người lập biểu

Lê Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Trần Trung Hưng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		370.599.824.337	480.180.986.866
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		88.529.418.991	73.768.149.192
03	- Các khoản dự phòng		2.992.868.914	(336.520.699)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.854.921.183)	921.527.922
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(94.756.210.056)	(104.587.410.775)
06	- Chi phí lãi vay		47.613.594.964	54.005.233.537
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		410.124.575.967	503.951.966.043
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(892.348.737.928)	(244.336.598.485)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		222.062.638.644	(558.371.343.197)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		937.028.697.256	418.219.927.571
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(62.869.335.147)	33.112.792.634
14	- Tiền lãi vay đã trả		(47.913.655.494)	(53.821.949.296)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(81.842.753.434)	(110.026.311.706)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(53.466.762.258)	(57.657.578.703)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		430.774.667.606	(68.929.095.139)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(120.611.884.978)	(51.272.182.547)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		23.318.591.981	13.939.888.997
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(463.971.272.471)	(481.796.845.015)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		100.000.000.000	270.568.252.615
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		102.296.453.240	94.735.797.852
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(358.968.112.228)	(153.825.088.098)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		17.990.535.168.014	10.806.479.509.734
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(17.919.573.950.715)	(10.525.944.389.177)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(122.756.157.463)	(88.080.292.950)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(51.794.940.164)	192.454.827.607

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		20.011.615.214	(30.299.355.630)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		316.966.083.254	347.255.056.744
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		7.401.293	10.382.140
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>336.985.099.761</u>	<u>316.966.083.254</u>

(ĐÃ KÝ)

Đào Thị Phương Lan
Người lập biểu

(ĐÃ KÝ)

Lê Tuấn Anh
Kế toán trưởng

(ĐÃ KÝ)

Trần Trung Hưng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty TNHH Nhà nước MTV Bưu chính Viettel trực thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội) sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 123/QĐ-BQP ngày 14/01/2009 của Bộ Quốc phòng, hoạt

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 1, phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.035.584.920.000 VND, tương đương 103.558.492 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 14.813 người, trong đó tại Công ty mẹ là 12.461 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 15.685 người, trong đó nhân viên Công ty mẹ là 12.891 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là Thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Chuyển phát, kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh Bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa;
- Bưu chính;
- Phát hành báo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp với nhiều quy định về giãn cách xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động ngành bưu chính nói chung và Tổng Công ty nói riêng. Mặc dù chi phí tăng mạnh nhưng Tổng Công ty vẫn duy trì giá phí dịch vụ nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp nên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay giảm so với năm trước.

Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và đồng thời là Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty TNHH MTV Công nghệ Bưu chính Viettel	Hà Nội	100%	Kinh doanh dịch vụ phát triển khách hàng, dịch vụ quản lý vận hành khai thác, dịch vụ Bưu chính Digitalize.
2. Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	Hà Nội	100%	Kinh doanh dịch vụ Logistics

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (đồng thời là Tỷ lệ quyền biểu quyết)	Hoạt động kinh doanh chính
3. Công ty TNHH MTV Thương mại Điện tử Bưu chính Viettel	Hà Nội	100%	Kinh doanh thương mại
4. Công ty TNHH Mygo Campuchia	Campuchia	100%	Kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhANH Bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa.
5. Công ty TNHH Mygo Myanmar	Myanmar	100%	Kinh doanh dịch vụ Logistics

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Mygo Campuchia và Công ty TNHH Mygo Myanmar lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính của Ngân hàng TMCP Quân đội.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Nếu Tổng Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Các tài sản khác	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50	năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao	
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê văn phòng, cửa hàng, siêu thị là số tiền trả trước về thuê địa điểm và được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê.
- Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng, cửa hàng, siêu thị được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê vị trí kinh doanh.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành của Văn phòng Tổng Công ty, Công ty TNHH MTV Công nghệ Bưu chính Viettel, Công ty TNHH MTV Logistics Viettel và Công ty TNHH MTV Thương mại Điện tử Bưu chính Viettel được áp dụng thuế suất 20% theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chi phí thuế TNDN hiện hành của Công ty TNHH Mygo Myanmar được áp dụng thuế suất 25% theo quy định của pháp luật Myanmar.

Thu nhập của Công ty TNHH Mygo Campuchia được áp dụng theo luật thuế của Campuchia. Hàng tháng công ty tạm nộp 1% trên doanh thu kê khai, cuối năm thực hiện quyết toán theo kết quả kinh doanh của năm. Trường hợp 1% tạm nộp lớn hơn thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% thì không phải nộp bổ sung, trường hợp ngược lại thì doanh nghiệp nộp và tính bổ sung phần chênh lệch.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	3.844.223.800	6.261.981.486
Tiền gửi ngân hàng	307.140.875.961	264.086.883.168
Tiền đang chuyển	-	5.617.218.600
Các khoản tương đương tiền (i)	26.000.000.000	41.000.000.000
	336.985.099.761	316.966.083.254

(i) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 3%/năm đến 3,3%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.902.277.009.826	-	1.572.305.737.355	-
	1.902.277.009.826	-	1.572.305.737.355	-
Đầu tư dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	34.000.000.000	-	-	-
	34.000.000.000	-	-	-

(i): Tại ngày 31/12/2021, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 12 đến 18 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,7%/năm đến 6,3%/năm. Trong đó, số tiền gửi giá trị 2.000.000.000 VND đang được phong tỏa để đảm bảo cho việc cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động của Tổng Công ty và số tiền gửi giá trị 1.640.000.000.000 VND đang được phong tỏa làm tài sản đảm bảo cho các hợp đồng vay của Tổng Công ty (Chi tiết tại thuyết minh 14).

(ii): Tại ngày 31/12/2021, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 18 đến 24 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với lãi suất từ 5,4%/năm đến 5,6%/năm. Trong đó, số tiền gửi giá trị 4.000.000.000 VND đang được phong tỏa làm tài sản đảm bảo cho các hợp đồng vay của Tổng Công ty (Chi tiết tại thuyết minh 14).

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo hoạt động cung cấp dịch vụ				
- Dịch vụ Chuyển phát nhanh và Logistic (kho vận)	586.885.750.575	(3.786.728.138)	593.021.759.151	(3.176.207.960)
- Dịch vụ Viễn thông	-	-	27.409.645.071	-
- Bán hàng Văn phòng phẩm	111.899.996.906	(310.313.968)	30.919.011.308	(216.685.684)
- Dịch vụ kinh doanh sàn Thương mại điện tử	12.093.123.470	(5.869.041.516)	32.362.140.749	(4.002.968.652)

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo hoạt động cung cấp dịch vụ (tiếp theo)				
- Dịch vụ Vận hành hệ thống(*)	634.809.887.427	-	120.733.944.736	-
- Các dịch vụ khác	73.153.211.535	(18.000.000)	16.453.025.890	(100.000.000)
	1.418.841.969.913	(9.984.083.622)	820.899.526.905	(7.495.862.296)
Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan	783.653.033.508	-	219.876.215.739	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)</i>				

(*) theo các hợp đồng giữa Tổng Công ty và các đối tác: Tổng Công ty Viễn thông Viettel, Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel và Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel.

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber-CMC	-	-	3.298.949.835	-
- Công ty TNHH Kinh doanh Ô tô Nisu	5.265.000.000	-	5.155.700.020	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Công nghiệp Việt	-	-	2.228.204.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Linh Giang	9.438.427.443	-	71.500.000	-
- Công ty Cổ phần 3B	-	-	4.941.263.184	-
- Công ty Cổ phần RTC Technology	-	-	9.977.416.320	-
- Các nhà cung cấp khác	31.554.203.654	-	7.367.030.288	-
	46.257.631.097	-	33.040.063.647	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi	44.810.663.921	-	53.441.248.227	-
- Tạm ứng	11.825.908.517	-	35.903.223.827	-
- Ký cược, ký quỹ	794.681.051	-	2.371.108.336	-
- Tiền đặt cọc mua đất - Công ty CP LILAMA 3	740.000.000	(740.000.000)	740.000.000	(740.000.000)
- Phải thu Dịch vụ phát hàng thu tiền (COD)	185.147.831.876	(1.287.612.574)	170.839.048.057	(782.964.986)
- Phải thu nhân viên quản lý điểm bán về dịch vụ ví điện tử	420.954.859.137	-	118.190.335.789	-
- Công nợ dịch vụ qua ví của Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel (VDS)	57.703.867.740	-	54.895.528.776	-
- Phải thu Viettel Construction Myanmar Co.,	-	-	8.840.300.000	-
- Tài sản thiếu quy trách nhiệm cá nhân	2.790.000.000	(2.790.000.000)	3.234.941.063	(2.790.000.000)
- Phải thu khác	14.290.903.991	-	11.051.106.073	-
	<u>739.058.716.233</u>	<u>(4.817.612.574)</u>	<u>459.506.840.148</u>	<u>(4.312.964.986)</u>
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	4.717.237.619	-	5.319.884.639	-
	<u>4.717.237.619</u>	<u>-</u>	<u>5.319.884.639</u>	<u>-</u>
c) Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan	<u>55.214.042.137</u>	<u>-</u>	<u>5.669.804.278</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

8 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng				
- Công ty Cổ Phần Tập đoàn An Phát	1.557.240.200	-	1.557.240.200	-
- Công ty TNHH VIMAG Hàng hóa Quốc tế	5.504.362.647	-	5.504.362.647	1.651.308.795
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Tân Sơn	-	-	200.000.000	100.000.000
- Công ty Xuất nhập khẩu Ningbo Wu-Sheng	565.905.970	-	565.905.970	169.771.791
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.156.953.336	172.011.410	2.778.071.986	1.188.637.921
Các khoản phải thu khác				
- Bà Nguyễn Hoàng Ngọc - Nhân viên CHTT	2.790.000.000	-	2.790.000.000	-
- Công ty CP Lilama 3	740.000.000	-	740.000.000	-
- Các đối tượng khác	3.108.049.927	1.448.804.474	1.565.929.971	782.964.985
	16.422.512.080	1.620.815.884	15.701.510.774	3.892.683.492

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	30.454.545	-	3.526.538.689	-
- Nguyên liệu, vật liệu	1.844.623.918	-	1.525.632.220	-
- Công cụ, dụng cụ	9.198.869.049	-	12.059.284.438	-
- Hàng hóa	372.893.574.030	-	588.918.704.839	-
	383.967.521.542	-	606.030.160.186	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Mua sắm	9.196.929.054	62.427.891.713
- Phần mềm SAP	8.397.499.600	10.216.232.100
- Lô 82 xe ô tô tải	-	50.908.985.034
- Nâng cấp phần mềm EViet_Nextsoft	-	549.400.000
- Chi phí đầu tư sửa chữa phục vụ dự án MyGo	799.429.454	753.274.579
	9.196.929.054	62.427.891.713

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	34.526.245.981	13.185.009.337	47.711.255.318
- Mua trong năm	-	10.863.494.300	10.863.494.300
- Giảm do CLTG chuyển đổi BCTC	-	(699.270)	(699.270)
Số dư cuối năm	34.526.245.981	24.047.804.367	58.574.050.348
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.779.406.622	8.463.948.808	13.243.355.430
- Khấu hao trong năm	620.655.334	4.095.498.509	4.716.153.843
- Giảm do CLTG chuyển đổi BCTC	-	(699.270)	(699.270)
Số dư cuối năm	5.400.061.956	12.558.748.047	17.958.810.003
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	29.746.839.359	4.721.060.529	34.467.899.888
Tại ngày cuối năm	29.126.184.025	11.489.056.320	40.615.240.345

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.279.127.320 VND.

- TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất gồm:

+ Quyền sử dụng đất của lô đất tại xã Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh đã được cấp sổ đỏ cho thời gian sử dụng đến hết ngày 11/12/2050, diện tích: 4435 m², nguyên giá: 23.581.012.181 VND dùng làm nhà kho.

+ Quyền sử dụng đất tại Đà Nẵng, sổ đỏ cấp ngày 25/3/2011, nguyên giá: 10.945.233.800 VND làm trụ sở Chi nhánh Đà Nẵng, đây là quyền sử dụng đất không thời hạn, mục đích xây trụ sở Trung tâm khai thác Khu vực II.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí thuê địa điểm, văn phòng	112.678.052.671	85.506.734.127
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.247.601.102	4.057.818.257
- Chi phí cải tạo sửa chữa	13.715.971.083	7.078.565.841
- Chi phí bảo hiểm	3.114.408.922	4.143.280.372
- Chi phí thuê Cloud Server	3.921.096.087	14.180.290.057
- Các khoản khác	1.671.789.549	2.228.375.554
	137.348.919.414	117.195.064.208

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
b) Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	102.431.685.596	49.816.162.656
- Chi phí cải tạo sửa chữa	8.216.912.343	17.199.112.891
- Chi phí trả trước dài hạn khác	463.520.807	1.381.363.258
	111.112.118.746	68.396.638.805

14 . VAY

Xem chi tiết Phụ lục 02.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có	Giá trị	Số có
	VND	khả năng trả nợ VND	VND	khả năng trả nợ VND
Chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	58.246.513.672	58.246.513.672	12.015.668.733	12.015.668.733
- Công ty TNHH Ô tô Nisun	-	-	25.778.500.020	25.778.500.020
- Công ty TNHH Cung ứng nhân lực Nhân Kiệt	18.882.151.417	18.882.151.417	24.811.385.606	24.811.385.606
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Ô tô Thanh Xuân	-	-	22.308.000.000	22.308.000.000
- Công ty cổ phần dịch vụ TM & Đầu tư Long Biên	-	-	50.393.400.000	50.393.400.000
- Công ty Cổ phần Thuận Đức	38.958.616.000	38.958.616.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đại Kim	47.197.700.000	47.197.700.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đông Dương INC	14.693.910.000	14.693.910.000	-	-
- Công ty Cổ phần sản xuất và công nghệ Nhựa Pha Lê	27.212.221.575	27.212.221.575	21.135.290.000	21.135.290.000
- Phải trả các đối tượng khác	235.678.055.747	235.678.055.747	229.512.719.329	229.512.719.329
	440.869.168.411	440.869.168.411	385.954.963.688	385.954.963.688
Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan	75.686.993.296	75.686.993.296	16.798.236.354	16.798.236.354

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 03.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	712.385.423	1.012.445.953
- Chi phí cộng tác viên thuê ngoài	83.594.589.766	91.497.009.254
- Chi phí vận hành kênh cửa hàng, điểm bán	-	5.238.507.204
- Chi phí thuê nhà làm văn phòng, chi nhánh, bưu cục	11.813.887.019	1.788.124.619
- Chi phí khám sức khỏe	-	9.367.773.397
- Chi phí điện nước, điện thoại, internet	1.678.115.801	3.165.156.383
- Chi phí cước kết nối, vận chuyển, xăng xe	61.819.583.274	25.365.400.290
- Chi phí trích trước kênh cửa hàng, điểm bán phải trả đại lý hộ kinh doanh	143.706.435.589	-
- Chi phí phải trả khác	22.660.928.097	8.327.868.476
	325.985.924.969	145.762.285.576

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Các khoản trích theo lương	39.511.921.786	35.672.200.965
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	876.894.880	549.580.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.999.219.670	2.183.488.133
- Thu hộ CBCNV để tiến hành làm sổ tiết kiệm	21.501.893.231	23.817.245.901
- Phải trả công nợ thu hộ, chi hộ COD	420.444.224.198	350.875.746.229
- Phải trả công nợ nhân viên về dịch vụ Bankplus	-	5.607.562.733
- Phải trả Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel (VDS)	845.525.630.264	513.690.137.845
- Phải trả Tổng Công ty Viễn Thông Viettel (VTT)	146.107.170.466	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.823.218.422	14.811.653.300
	1.529.790.172.917	947.207.615.106
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	667.000.000	77.000.000
	667.000.000	77.000.000
c) Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)</i>	1.031.849.319.677	538.331.664.082

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 04.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	629.789.180.000	60,8	505.043.450.000	60,81
- Các cổ đông khác	405.795.740.000	39,2	325.435.810.000	39,19
	1.035.584.920.000	100,0	830.479.260.000	100,00

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	830.479.260.000	596.192.080.000
- Vốn góp tăng trong năm	205.105.660.000	234.287.180.000
- Vốn góp cuối năm	1.035.584.920.000	830.479.260.000
Cổ tức, lợi nhuận tại Công ty mẹ		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	2.183.488.133	834.969.083
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	329.677.549.000	323.715.992.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	329.677.549.000	323.715.992.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	122.756.157.463	88.080.292.950
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	122.756.157.463	88.080.292.950
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	205.105.660.000	234.287.180.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	205.105.660.000	234.287.180.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	3.999.219.670	2.183.488.133

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.047.926	83.047.926
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	83.047.926	83.047.926
- Cổ phiếu phổ thông	83.047.926	83.047.926
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.047.926	83.047.926
- Cổ phiếu phổ thông	83.047.926	83.047.926
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.920.203.786	4.920.203.786

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty đã ký các hợp đồng thuê nhà với các đối tác để làm trụ sở Tổng Công ty, các công ty con, văn phòng các chi nhánh và các bưu cục. Tổng Công ty và các công ty con đã trả trước tiền thuê và đang được theo dõi trình bày trên khoản mục Chi phí trả trước (chi tiết tại Thuyết minh 13).

b) Ngoại tệ các loại

	Ký hiệu	31/12/2021	01/01/2021
- Đô la Mỹ	USD	277.389,08	325.545,22
- Riel Campuchia	KHR	-	12.758.680,00
- Kyat Myanmar	MMK	1.134.933.725,00	219.118.317,00

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	14.244.100.283.334	10.617.025.719.188
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.207.931.325.623	6.617.256.039.728
	<u>21.452.031.608.957</u>	<u>17.234.281.758.916</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	<u>2.785.089.290.164</u>	<u>1.791.301.698.716</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.186.239.248.903	10.595.192.732.809
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.665.847.330.295	5.940.497.502.683
	<u>20.852.086.579.198</u>	<u>16.535.690.235.492</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	93.665.868.934	98.844.333.478
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	23.067.267	7.762.978
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	18.801.111	11.223.624
Doanh thu hoạt động tài chính khác	162.885.372	-
	<u>93.870.622.684</u>	<u>98.863.320.080</u>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	47.613.594.964	54.005.233.537
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	183.044.384	186.573.548
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	11.399.818	841.484
	<u>47.808.039.166</u>	<u>54.192.648.569</u>

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	796.060.127	248.497.955
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.929.596.921	17.794.953.812
Chi phí khác bằng tiền	17.011.073.853	3.467.137.621
	<u>38.736.730.901</u>	<u>21.510.589.388</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.328.695.928	4.285.285.565
Chi phí nhân công	153.462.556.882	168.429.097.842
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	3.741.769.948	3.531.280.684
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.687.756.692	2.548.278.394
Thuế, phí, và lệ phí	971.221.700	2.416.234.281
Chi phí dự phòng	2.997.350.769	2.984.254.863
Hoàn nhập dự phòng	(4.481.855)	(3.320.775.562)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.792.549.092	36.901.783.039
Chi phí khác bằng tiền	33.325.685.138	30.189.988.295
	242.303.104.294	247.965.427.401

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.090.341.122	5.800.866.633
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý công cụ dụng cụ	200.739.421	-
Tiền phạt thu được	269.149.252	444.582.078
Thưởng đạt sản lượng vận chuyển hàng không	3.151.559.911	512.226.917
Tiền thuê nhà được hỗ trợ	1.277.386.000	915.984.773
Thu nhập khác	3.073.632.143	1.353.452.346
	9.062.807.849	9.027.112.747

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	57.789.336
Chi phí từ nhượng bán, thanh lý công cụ dụng cụ	175.662.596	-
Các khoản đền bù khách hàng	197.103.000	981.106.223
Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	1.668.386.262	948.065.087
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế	276.100.028	310.826.934
Chi phí khác	1.113.509.708	334.516.447
	3.430.761.594	2.632.304.027

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	59.435.719.734	65.498.675.596
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	15.271.090.278	31.375.171.484
- Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	11.910.241.605	28.918.570.225
- Công ty TNHH MTV Công nghệ Bưu chính Viettel	182.801.824	127.438.795
- Công ty TNHH MTV Thương mại Điện tử Bưu chính Viettel	1.070.728.950	325.995.780
- Công ty TNHH Mygo Campuchia	-	187.645.440
- Công ty TNHH Mygo Myanmar	2.107.317.899	1.815.521.244
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	74.706.810.012	96.873.847.080

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	295.893.014.325	383.307.139.786
Các khoản điều chỉnh:		
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng (i)</i>	(40.970.947.111)	(46.151.239.957)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	254.922.067.214	337.155.899.829
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	103.558.492	83.047.926
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.462	4.060

(i) Căn cứ Nghị quyết số 48/2021/ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Tổng Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 14% trên Lợi nhuận sau thuế năm nay (Thuyết minh 19a).

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	241.747.158.756	233.776.249.069
Chi phí nhân công	2.934.549.228.485	2.912.266.575.342
Chi phí khấu hao TSCĐ	88.529.418.991	73.768.149.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.041.833.736.705	2.355.477.052.972
Chi phí khác bằng tiền	640.227.622.553	634.685.492.897
	6.946.887.165.490	6.209.973.519.472

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	336.985.099.761	-	316.966.083.254	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.162.617.923.765	(14.801.696.196)	1.285.726.251.692	(11.808.827.282)
Các khoản cho	1.936.277.009.826	-	1.572.305.737.355	-
	4.435.880.033.352	(14.801.696.196)	3.174.998.072.301	(11.808.827.282)

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.166.427.633.425	1.095.466.416.126
Phải trả người bán, phải trả khác	1.971.326.341.328	1.333.239.578.794
Chi phí phải trả	325.985.924.969	145.762.285.576
	<u>3.463.739.899.722</u>	<u>2.574.468.280.496</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	336.985.099.761	-	336.985.099.761
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.143.098.989.950	4.717.237.619	2.147.816.227.569
Các khoản cho vay	1.902.277.009.826	34.000.000.000	1.936.277.009.826
	<u>4.382.361.099.537</u>	<u>38.717.237.619</u>	<u>4.421.078.337.156</u>

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	316.966.083.254	-	316.966.083.254
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.268.597.539.771	5.319.884.639	1.273.917.424.410
Các khoản cho vay	1.572.305.737.355	-	1.572.305.737.355
	3.157.869.360.380	5.319.884.639	3.163.189.245.019

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021			
Vay và nợ	1.166.427.633.425	-	1.166.427.633.425
Phải trả người bán, phải trả khác	1.970.659.341.328	667.000.000	1.971.326.341.328
Chi phí phải trả	325.985.924.969	-	325.985.924.969
	3.463.072.899.722	667.000.000	3.463.739.899.722
Tại ngày 01/01/2021			
Vay và nợ	1.088.321.871.103	7.144.545.023	1.095.466.416.126
Phải trả người bán, phải trả khác	1.333.162.578.794	77.000.000	1.333.239.578.794
Chi phí phải trả	145.762.285.576	-	145.762.285.576
	2.567.246.735.473	7.221.545.023	2.574.468.280.496

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động bán hàng	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.244.100.283.334	7.207.931.325.623	21.452.031.608.957
Giá vốn hàng bán	14.186.239.248.903	6.665.847.330.295	20.852.086.579.198
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	57.861.034.431	542.083.995.328	599.945.029.759
Tổng chi phí mua tài sản cố định			63.865.672.894
Tài sản bộ phận trực tiếp	496.576.380.438	1.692.492.087.611	2.189.068.468.049
Tài sản không phân bổ			3.245.203.485.104
Tổng tài sản	496.576.380.438	1.692.492.087.611	5.434.271.953.153
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	29.298.360.897	434.556.577.771	463.854.938.668
Nợ phải trả không phân bổ			3.644.868.956.265
Tổng tài sản	29.298.360.897	434.556.577.771	4.108.723.894.933

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm hoạt động trong nước và hoạt động tại nước ngoài ở Campuchia và Myanmar. Tuy nhiên các hoạt động trong nước chiếm tỷ trọng trên 90% toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty do đó Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.785.089.290.164	1.791.301.698.716
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	Công ty mẹ	58.029.332.029	7.663.748.478
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	2.031.662.073.390	1.404.337.107.904
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	95.673.340.845	79.332.484.366
- Công ty TNHH Viettel Cambodia	Công ty con của Công ty mẹ	7.076.168	13.006.072.680
- Công ty Quản lý Tài sản Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	4.168.402.947	3.993.433.384
- Viện Hàng không vũ trụ Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	5.289.672.039	2.622.707.288
- Công ty Truyền thông Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	392.648.962	589.402.834
- Viện Nghiên cứu và Phát triển Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	-	644.255

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):

	Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)			
- Học Viện Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	24.454.352	39.562.179
- Trung tâm An ninh mạng Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	225.591.010	347.630.647
- Trung tâm Thể thao Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	33.681.971	11.119.190
- Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	1.989.307.894	1.696.106.822
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	330.708.112.206	115.589.144.008
- Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	62.147.414.273	20.054.206.230
- Công ty TNHH NN MTV Thương mại & Xuất nhập khẩu Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	36.518.898.118	27.576.750.357
- Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	7.911.553.089	7.971.498.293
- Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	960.843.672	913.074.011
- Công ty TNHH MTV Thông tin M3	Công ty con của Công ty mẹ	3.839.215.124	2.020.419.058
- Công ty TNHH MTV Thông tin M1	Công ty con của Công ty mẹ	1.861.346.746	4.433.488.772
- Công ty TNHH Viettel - CHT	Công ty con của Công ty mẹ	1.863.975.042	1.143.963.683
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	814.436.030	337.117.888
- Công ty Viettel Timor Leste, UNIP, LDA.	Công ty con của Công ty mẹ	387.116.499	630.477.852
- Công ty TNHH Movitel	Công ty con của Công ty mẹ	5.894.326.761	-
- Công ty TNHH Myanmar National Tele & Communications	Công ty con của Công ty mẹ	130.607.515.493	96.771.349.101
- Công ty TNHH Viettel National Telecom S.A(Nat com)	Công ty con của Công ty mẹ	3.046.279.920	-
- Trung tâm Không gian mạng Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	1.032.675.584	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Công ty con của Công ty mẹ	-	220.189.436
Mua hàng hóa, dịch vụ		10.997.373.077.230	9.191.732.718.822
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	Công ty mẹ	139.797.993.429	-
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	10.840.794.022.999	9.151.039.288.858
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	6.271.035.655	3.508.232.808

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):

	Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ (tiếp theo)			
- Công ty Quản lý Tài sản Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	(282.408.117)	7.100.146.944
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	345.512	-
- Trung tâm An ninh mạng Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	239.058.369	-
- Công ty TNHH NN MTV Thương mại & Xuất nhập khẩu Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	2.396.141.598	706.674.604
- Công ty TNHH Viettel - CHT	Công ty con của Công ty mẹ	5.505.925.741	28.330.683.527
- Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	2.525.312.952	1.047.692.082
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	125.649.092	-
Chi trả hộ		327.269.092.729	257.734.773.281
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	Công ty mẹ	327.269.092.729	257.734.773.281

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	Công ty mẹ	2.970.000.000	-
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	578.419.899.228	110.005.887.633
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	42.756.755.222	32.225.013.390
- Công ty Truyền thông Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	55.800.985	57.027.300
- Học viện Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	-	-
- Viện hàng không vũ trụ Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	64.902.270	86.191.914
- Công ty quản lý tài sản Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	1.241.121.654	623.112.202
- Trung tâm Không gian mạng Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	-	4.585.000
- Trung tâm An ninh mạng Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	3.023.558	73.300.006
- Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	891.706.745	233.149.696
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	126.149.085.687	37.281.658.326
- Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	8.626.781.819	13.896.724.843

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính (tiếp theo):

	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng (tiếp theo)			
- Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	172.274.300	10.993.932
- Công ty TNHH NN MTV Thương mại & Xuất nhập khẩu Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	6.658.714.442	1.768.168.960
- Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	1.458.730.820	1.120.741.699
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	328.121.869	20.563.912
- Công ty TNHH MTV Thông tin M1	Công ty con của Công ty mẹ	1.161.863.898	171.068.792
- Công ty TNHH Viettel - CHT	Công ty con của Công ty mẹ	88.004.437	-
- Công ty TNHH MTV Thông tin M3	Công ty con của Công ty mẹ	93.844.316	-
- Công ty Công trình Viettel Haiti S.A	Công ty con của Công ty mẹ	3.707.521.620	-
- Công ty TNHH Movitel	Công ty con của Công ty mẹ	6.736.898.141	-
- Công ty Viettel Timor Leste, UNIP, LDA.	Công ty con của Công ty mẹ	456.338.761	-
- Công ty TNHH Viettel Cambodia	Công ty con của Công ty mẹ	1.611.643.736	-
- Công ty TNHH Myanmar National Tele & Communications	Công ty con của Công ty mẹ	-	22.298.028.134
		55.214.042.137	5.669.804.278
Phải thu ngắn hạn khác			
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	Công ty mẹ	-	5.210.520.948
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	-	129.747.053
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	55.214.042.137	329.536.277
		75.686.993.296	16.798.236.354
Phải trả cho người bán ngắn hạn			
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	Công ty mẹ	58.165.129.436	12.015.668.733
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	8.596.085.079	1.024.434.000
- Công ty Quản lý Tài sản Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	5.539.053.699	131.864.750
- Công ty TNHH NN MTV Thương mại & Xuất nhập khẩu Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	1.302.000.000	-
- Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	936.025.850	-
- Công ty TNHH Viettel - CHT	Công ty con của Công ty mẹ	-	2.710.702.225
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	1.148.699.232	915.566.646

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính (tiếp theo):

	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.045.098.944	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	1.865.000.000	-
- Công ty TNHH Viettel - CHT	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	30.579.999	-
- Trung tâm An ninh mạng Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	149.518.945	-
Phải trả khác ngắn hạn		1.031.849.319.677	538.331.664.082
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	-	2.310.729.155
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	146.107.170.466	11.084.898.541
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	40.055.518.947	11.084.898.541
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ	845.525.630.264	513.690.137.845
- Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	161.000.000	161.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Chức vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Ông Nguyễn Thanh Nam	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 24/04/2021)	80.000.000	-
- Ông Nguyễn Đình Chiến	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 24/04/2021)	40.000.000	70.000.000
- Ông Trần Trung Hưng	Phó Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc	2.653.398.206	2.804.544.361
- Ông Nguyễn Đắc Luân	Thành viên HĐQT	907.260.082	1.531.881.107
- Bà Nghiêm Phương Nhi	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
- Bà Đinh Như Tuyền	Thành viên HĐQT	75.600.000	84.000.000
- Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên HĐQT	84.000.000	63.000.000
- Ông Đinh Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	1.380.779.856	1.485.690.972
- Ông Nguyễn Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc	1.087.324.174	1.073.868.343
- Ông Phạm Văn Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	1.041.947.934	1.188.028.217
- Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	1.425.201.669	1.164.824.759

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngoài các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Năm 2021, Tổng Công ty thay đổi cách thức hạch toán, theo đó số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 được trình bày lại cho phù hợp, cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
- Tiền	111	247.064.249.022	275.966.083.254	28.901.834.232	[1]
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	821.059.119.808	820.899.526.905	(159.592.903)	[2]
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	32.831.968.669	33.040.063.647	208.094.978	[2]
- Phải thu ngắn hạn khác	136	509.508.330.151	459.506.840.148	(50.001.490.003)	[1]&[2]
- Phải thu dài hạn khác	216	5.408.212.019	5.319.884.639	(88.327.380)	[2]
- Phải trả người bán ngắn hạn	311	368.824.258.608	385.954.963.688	17.130.705.080	[2]
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.922.404.512	2.750.799.901	(171.604.611)	[2]
- Phải trả ngắn hạn khác	319	985.230.881.771	947.207.615.106	(38.023.266.665)	[2]
- Phải trả dài hạn khác	337	152.314.880	77.000.000	(75.314.880)	[2]
b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất					
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(294.289.586.413)	(244.336.598.485)	49.952.987.928	[1]&[2]
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	439.271.081.267	418.219.927.571	(21.051.153.696)	[2]
- Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	288.064.249.022	316.966.083.254	28.901.834.232	[1]

[1] Tiền hàng phát hộ trên báo cáo năm trước phản ánh là khoản phải thu khác của chi nhánh.

[2] Phân loại lại số dư công nợ.

(ĐÃ KÝ)

(ĐÃ KÝ)

(ĐÃ KÝ)

Đào Thị Phương Lan
Người lập biểu

Lê Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Trần Trung Hưng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	16.475.854.431	57.567.518.268	461.638.152.282	6.267.042.040	994.042.379	542.942.609.400
Số tăng trong năm	-	31.986.326.254	71.910.826.312	2.335.988.687	-	106.233.141.253
- Mua trong năm	-	31.986.326.254	71.910.826.312	2.335.988.687	-	106.233.141.253
Số giảm trong năm	(14.522.422)	(22.192.654.377)	(1.092.067.097)	(1.491.791.507)	-	(24.791.035.403)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(21.656.158.131)	(1.079.918.477)	(1.239.142.706)	-	(23.975.219.314)
- Giảm do CLTG chuyển đổi	(14.522.422)	(536.496.246)	(12.148.620)	(252.648.801)	-	(815.816.089)
BTC						
Số dư cuối năm	16.461.332.009	67.361.190.145	532.456.911.497	7.111.239.220	994.042.379	624.384.715.250
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.479.152.984	15.890.458.551	232.189.967.766	4.883.539.813	826.522.607	263.269.641.721
Số tăng trong năm	1.197.689.029	9.419.284.354	72.424.205.783	693.189.344	120.986.661	83.855.355.171
- Khấu hao trong năm	1.197.689.029	9.419.284.354	72.424.205.783	693.189.344	78.896.638	83.813.265.148
- Hao mòn TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	-	-	-	-	42.090.023	42.090.023
Số giảm trong năm	(167.598.829)	(979.000.937)	(594.943.568)	(229.698.309)	-	(1.971.241.643)
- Thanh lý, nhượng bán	(160.753.326)	(838.005.562)	(589.815.949)	(158.393.618)	-	(1.746.968.455)
- Giảm do CLTG chuyển đổi	(6.845.503)	(140.995.375)	(5.127.619)	(71.304.691)	-	(224.273.188)
BTC						
Số dư cuối năm	10.509.243.184	24.330.741.968	304.019.229.981	5.347.030.848	947.509.268	345.153.755.249
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	6.996.701.447	41.677.059.717	229.448.184.516	1.383.502.227	167.519.772	279.672.967.679
Tại ngày cuối năm	5.952.088.825	43.030.448.177	228.437.681.516	1.764.208.372	46.533.111	279.230.960.001

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 116.224.677.316 VND

Phụ lục 02 : VAY

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có
	VND	khả năng trả nợ VND	VND	VND	VND	khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.084.749.613.936	1.084.749.613.936	17.990.535.168.014	17.908.857.148.525	1.166.427.633.425	1.166.427.633.425
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch (1)	322.652.399.818	322.652.399.818	3.319.641.488.125	3.394.103.166.046	248.190.721.897	248.190.721.897
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ (2)	238.873.277.000	238.873.277.000	797.814.400.921	637.762.443.228	398.925.234.693	398.925.234.693
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (3)	377.894.499.678	377.894.499.678	12.576.079.278.968	12.874.662.101.811	79.311.676.835	79.311.676.835
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình (4)	145.019.004.940	145.019.004.940	1.297.000.000.000	1.002.019.004.940	440.000.000.000	440.000.000.000
- G.I. Services (Cambodia) Co.,Ltd	310.432.500	310.432.500	-	310.432.500	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3.572.257.167	3.572.257.167	-	3.572.257.167	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	3.572.257.167	3.572.257.167	-	3.572.257.167	-	-
	1.088.321.871.103	1.088.321.871.103	17.990.535.168.014	17.912.429.405.692	1.166.427.633.425	1.166.427.633.425
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn	10.716.802.190	10.716.802.190	-	10.716.802.190	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	10.716.802.190	10.716.802.190	-	10.716.802.190	-	-
	10.716.802.190	10.716.802.190	-	10.716.802.190	-	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.572.257.167)	(3.572.257.167)	-	(3.572.257.167)	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	7.144.545.023	7.144.545.023			-	-

Phụ lục 02 : VAY (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

STT	Hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất/năm	Hạn mức VND	Giá trị tiền gửi làm tài sản đảm bảo VND	Số dư tại 31/12/2021 VND	Mục đích vay
1	Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 03/2021/1578490/HĐ ngày 31/08/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2021/1578490/HĐTD ngày 31/08/2021	Đến hết ngày 31/07/2022	Được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ	600.000.000.000	100.000.000.000	248.190.721.897	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên.
2	Hợp đồng cấp tín dụng số 21278.21.051.48800.TD ngày 27/04/2021 và Văn bản sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng số 21278.21.051.48800.TD.PL ngày 13/12/2021	Đến hết ngày 31/03/2022	Theo từng văn bản nhận nợ	400.000.000.000	539.000.000.000	398.925.234.693	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng hóa giai đoạn 2021 - 2022.
3	Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 1/2021/1578490/HĐTC ngày 07/09/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2021/1578490/HĐTD	Đến hết ngày 31/07/2022	Theo thông báo ngân hàng	600.000.000.000	480.000.000.000	79.311.676.835	Vay thấu chi, bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
4	Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2021/HM/VCBBĐ-VIETTEL ngày 03/11/2021	Đến hết ngày 03/03/2022	Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn theo thông báo của ngân hàng từng thời kỳ	600.000.000.000	525.000.000.000	440.000.000.000	Thanh toán các chi phí ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phụ lục 03 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2021		Trong năm			31/12/2021	
	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	CLTG do chuyển đổi BCTC	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
- Thuế Giá trị gia tăng	59.222.009	19.286.026.948	550.258.075.535	492.204.792.889	(43.863.389)	59.222.009	77.295.446.205
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	305.826.629	15.744.410.375	74.723.718.090	81.859.661.512	(100.984.040)	409.380.370	8.611.036.654
- Thuế Thu nhập cá nhân	142.777.698	16.609.144.689	70.500.888.063	87.369.028.776	(326.213.525)	1.291.717.842	563.730.595
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	-	92.602.800	92.602.800	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	816.358.369	3.720.380.412	4.454.726.002	(388.811)	8.790.404	90.414.372
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10.768.218	121.272.876	146.875.807	-	14.834.713	-
	507.826.336	52.466.708.599	699.416.937.776	666.127.687.786	(471.449.765)	1.783.945.338	86.560.627.826

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 04 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	596.192.080.000	22.037.447.940	619.978.431	4.920.203.786	344.185.704.843	967.955.415.000
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	234.287.180.000	-	-	-	(234.287.180.000)	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	383.307.139.786	383.307.139.786
Tăng do chênh lệch tỷ giá chuyển đổi BCTC	-	-	931.910.062	-	744.682.706	1.676.592.768
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(98.190.634.374)	(98.190.634.374)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(46.151.239.957)	(46.151.239.957)
Số dư cuối năm trước	830.479.260.000	22.037.447.940	1.551.888.493	4.920.203.786	349.608.473.004	1.208.597.273.223
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (i)	205.105.660.000	-	-	-	(205.105.660.000)	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	295.893.014.325	295.893.014.325
Giảm do chênh lệch tỷ giá chuyển đổi BCTC	-	-	(4.847.519.890)	-	-	(4.847.519.890)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	(133.123.762.327)	(133.123.762.327)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(40.970.947.111)	(40.970.947.111)
Số dư cuối năm nay	1.035.584.920.000	22.037.447.940	(3.295.631.397)	4.920.203.786	266.301.117.891	1.325.548.058.220

(i) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 48/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 của Đại hội đồng Cổ đông, Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND	trên BCTC VND	BCTC năm nay VND
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14,00	53.843.113.284	46.151.239.957	7.691.873.327
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành, BKS và Thành viên HĐQT chuyên trách	0,22	860.000.000	-	860.000.000
- Trả cổ tức bằng tiền	15,00	124.571.889.000	-	124.571.889.000
		179.275.002.284	46.151.239.957	133.123.762.327

Phụ lục 04 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 48/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 31/12/2020 với tỷ lệ 1.000 : 247 (mỗi cổ đông sở hữu 1.000 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được thêm 247 cổ phần mới). Số lượng cổ phần cổ đông được nhận sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ (nếu phát sinh) sau khi thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ và được ghi nhận bổ sung vào lợi nhuận chưa phân phối và để lại năm sau. Ngày 21/07/2021, Tổng Công ty đã phát hành thêm 20.510.566 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ phát hành 1000:247). Tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 103.558.492 cổ phiếu.

(ii) Căn cứ theo Nghị quyết 48/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 của Đại hội đồng Cổ đông, Tổng Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 14% Lợi nhuận sau thuế năm nay.